

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

Đông Sơn, ngày 10 tháng 10 năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024, đối với xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (NTM), Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021- 2025; bổ sung tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hợp nhất Quyết định ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 25/2024/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 – 2025; số 26/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 – 2025;

Căn cứ văn bản đề nghị của UBND xã Đông Yên, tại Tờ trình số 520/TTr-UBND ngày 22/8/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Đông Yên, UBND huyện Đông Sơn báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Đông Yên cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: Từ ngày 30/8/2024 đến ngày 30/9/2024.

1. Về hồ sơ

Nội dung, thành phần hồ sơ đã được xã Đông Yên thực hiện đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 – 2025 và Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hợp nhất Quyết định ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết số 85-NQ/ĐU ngày 16/12/2023, Nghị quyết của BCH Đảng bộ về mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024; **Quyết định số 45-QĐ/ĐU ngày 31/01/2024** về việc kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu (BCĐ); Thông báo số 02-TB/BCĐ ngày 16/02/2024 của BCĐ về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCĐ.

UBND xã ban hành Kế hoạch hành động số 40/KH-UBND, ngày 10/01/2024 về việc thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, Đảm bảo Quốc phòng - An ninh năm 2024; Kế hoạch số 38/KH-BCĐ ngày 15/01/2024 về thực hiện xây dựng đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 trên địa bàn xã Đông Yên.

Các thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Phát triển thôn, tổ phụ trách đã bám sát thôn, cơ quan, đơn vị để hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện chương trình; theo đó gắn trách nhiệm của từng đồng chí với việc đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ cuối năm. Ban Chỉ đạo tổ chức hội nghị giao ban định kỳ 2 tuần/lần hoặc giao ban đột xuất khi cần để kịp thời nắm bắt, theo dõi, giải quyết và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc.

Công tác tuyên truyền được triển khai với nhiều nội dung và hình thức đa dạng, phong phú như: tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh; tuyên truyền trực quan bằng các cụm tin, băng zôn, khẩu hiệu; thông qua các cuộc họp. Tổng số có trên 70 hội nghị được tổ chức, trên 118 buổi tuyên truyền, sinh hoạt tại cơ sở thôn; 162 tin bài, 70 băng zôn, 245 phi nhép, 26 pano, (trong đó có 03 pano rộng trên 10m²). MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội trong xã tập trung tuyên truyền, biểu dương những cách làm hay, những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào xây dựng NTM nâng cao để đoàn viên, hội viên và nhân dân trong xã hăng hái tham gia. Từ những cách làm hay, những mô hình điển hình được tuyên truyền kịp thời, sẽ có tác động lan tỏa rộng khắp địa bàn xã. Cụ thể:

- MTTQ xã, Ban công tác mặt trận các thôn làm tốt công tác tuyên truyền vận động thực hiện phong trào thi đua đồng thời tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Hội nông dân, Hội phụ nữ tổ chức nhiều buổi tập huấn, mở nhiều lớp dạy nghề, tổ chức các hội thi Nông dân, Phụ nữ, chung tay XD NTM. Vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực tham gia phong trào vệ sinh môi trường, trồng, chăm sóc các tuyến đường hoa, vệ sinh an toàn thực phẩm, phân loại rác thải tại nguồn, rác thải đồng ruộng.

- Hội CCB, đoàn thanh niên phát huy truyền thống “Anh bộ đội Cụ Hồ”, “Thanh niên làm theo lời Bác”; vận động hội viên, đoàn viên gương mẫu đi đầu trong các phong trào, làm kinh tế giỏi, xung kích trong phong trào bảo vệ môi trường.

- Hội người cao tuổi với phong trào “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”, mẫu mực làm gương động viên con cháu tích cực lao động sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, phát huy nội lực chung sức xây dựng NTM, thực hiện tốt việc tổ chức tang lễ theo quy ước nếp sống mới và các giá trị văn hóa truyền thống, tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, tham gia quy hoạch quản lý nghĩa trang, nghĩa địa và xây dựng làng xã văn hóa.

Qua các hình thức tuyên truyền nêu trên, nhận thức của đại bộ phận nhân dân trong xã có nhiều chuyển biến, tích cực tham gia họp, bàn và đóng góp xây dựng với nhiều cách làm hay, tạo được phong trào thi đua ở từng thôn đối với phong trào xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Trong quá trình thực hiện xây dựng NTM nâng cao, xã Đông Yên luôn nhận được sự quan tâm lãnh của tỉnh của huyện ủy, UBND huyện và sự hướng dẫn của các cấp, các ngành; đồng thời được thụ hưởng đầy đủ các cơ chế chính sách của Đảng và Nhà nước về: Chính sách an sinh xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông nghiệp, nông thôn. Bên cạnh đó là sự đồng thuận, trách nhiệm với nhiệm vụ và thống nhất cao của Đảng bộ, chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội và toàn thể nhân dân trong xã, là những thuận lợi để cấp ủy, chính quyền và nhân dân xã Đông Yên xây dựng thành công các tiêu chí NTM nâng cao. Kết quả cụ thể về Phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân:

a, Phát triển sản xuất nông nghiệp:

Phát triển kinh tế nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, ban chỉ đạo xã bám sát Chương trình, Kế hoạch trọng tâm của huyện, Nghị quyết của Đảng ủy, UBND xã đã triển khai thực hiện, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu mùa vụ, tập trung thu hút đầu tư, lựa chọn các loại cây trồng hàng hoá có giá trị kinh tế cao gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và ứng dụng các tiến bộ KH-KT, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, tạo sự chuyển biến tích cực trong sản xuất; tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức cho nhân dân cải tạo đồng ruộng, đầu tư làm giao thông, thủy lợi, đưa các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phát triển đem lại hiệu quả kinh tế cao như: HTX công nghệ cao Lâm Anh với mô hình nhà màng

chuyên sản xuất rau, củ, quả chất lượng cao với diện tích trên 5,0 ha. Mô hình cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa mang thu nhập cao cho hộ gia đình và lao động trên địa bàn xã... , chuyển đổi được 22,10 ha diện tích trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, cá lúa, góp phần đáng kể trong việc tăng thu nhập cho nhân dân trong xã.

Trong phát triển chăn nuôi: làm tốt công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, đưa các loại giống vật nuôi mới cho hiệu quả kinh tế cao gà siêu trứng, vịt siêu trứng,...vào sản xuất, tăng thu nhập và giải quyết việc làm cho người nông dân.

b, Hoạt động của hợp tác xã:

Hoạt động của HTX nông nghiệp trên địa bàn đã làm tốt vai trò dịch vụ các khâu: cung ứng vật tư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, dịch vụ làm đất, cơ giới hóa đồng bộ; dịch vụ tưới, tiêu nước nội đồng ... tổ chức thực hiện liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm theo mô hình cánh đồng mẫu lớn với doanh nghiệp để cung ứng phân bón và thu mua sản phẩm cho người dân, cụ thể: tham gia thực hiện mô hình liên kết sản xuất và bao tiêu với sản phẩm với công ty Cổ phần thương mại Sao Khuê quy mô 200ha/ha.. mang lại giá trị kinh tế cao và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Ngoài ra hợp tác xã còn kết hợp, hợp đồng với một số cá nhân khác đầu tư máy nông cụ như máy gặt, máy cày công suất lớn, máy cấy... để thực hiện cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp, dịch vụ đầu vào cho xã viên. Tu sửa nâng cấp kênh mương, nâng cấp trạm bơm đảm bảo cho phục vụ sản xuất.

c, Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn:

Đảng ủy và Chính quyền xã luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi, cơ chế chính sách hỗ trợ, nhằm phát triển đa dạng hóa các ngành nghề, hoạt động dịch vụ thương mại, hàng hóa đáp ứng nhu cầu của nhân dân, đến nay toàn xã có 19 doanh nghiệp đóng trên địa bàn, 116 hộ sản xuất và dịch vụ kinh doanh, 01 HTX dịch vụ nông nghiệp, thu hút hàng trăm lao động địa phương, có việc làm ổn định, thu nhập từ 6,0 - 8,0 triệu đồng/ người/tháng. Bên cạnh Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động ngành nghề bằng khuyến khích, động viên các thành phần kinh tế, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh cũng như xuất khẩu lao động có thời hạn, đến nay đã có 192 người xuất khẩu lao động qua các nước như Nhật Bản, Đài Loan, Ma Cao, Hàn quốc... Chợ Đông Yên đã được đầu tư nâng cấp, mở rộng đáp ứng nhu cầu giao lưu mua bán hàng hóa cho nhân dân trong và ngoài xã.

d, Nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân:

Cùng với sự phát triển kinh tế, đời sống nhân dân trong xã ngày càng được nâng lên. Mức thu nhập bình quân đầu người đến tháng 8 năm 2024 đạt là 64,6 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã giảm rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo toàn xã đến nay không còn hộ nghèo (0%).

e. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới nâng cao

Tổng nguồn vốn huy động: 823.518 triệu đồng. Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 0,0 %;
- Ngân sách Tỉnh: 9.000 triệu đồng, chiếm 0,1%;
- Ngân sách Huyện: 121.328 triệu đồng, chiếm 14,73%
- Ngân sách xã: 88.702 triệu đồng, chiếm 11,77%.
- Nguồn nhân dân đóng góp: 604.488 triệu đồng chiếm 73,40% (*Trong đó: Nhân dân đóng góp bằng tiền, hiện vật, ngày công, hiến đất để xây dựng công trình phúc lợi: 19.296 triệu đồng, chiếm 3,20%. Nhân dân tự xây dựng, sửa chữa, chỉnh trang nhà ở các công trình phụ trợ: Xây dựng tường rào: 585.192 triệu đồng, chiếm 96,8%*).

3. Xã Đông Yên đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 theo Quyết định số 4672 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận xã Đông Yên - Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa đạt chuẩn NTM năm 2016.

Công tác rà soát, duy trì và tổ chức thực hiện duy trì nâng cao các tiêu chí, luôn được xã Đông Yên duy trì đạt chuẩn 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới theo Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 – 2025.

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:

Tổng số tiêu chí xã tổ chức đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 19 tiêu chí/19 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

4.1. Tiêu chí 01 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. (Đạt)

1.2. Có quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. (Đạt)

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. (Đạt)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 1.1 Do huyện Đông Sơn đang thực hiện sáp nhập với Thành phố Thanh Hóa, vì vậy Quy hoạch chung xây dựng xã Đông Yên theo Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 259/QĐ-TTG ngày 17/3/2023, theo đó xã Đông Yên thuộc phân khu số 11 đã UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ

lệ 1/2000 khu vực số 11, thuộc quy hoạch chung đô thị Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040

- Chỉ tiêu 1.2 Có quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch

Tổ chức thực hiện Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Công tác tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng, ngày 15/4/2023 UBND tỉnh Thanh Hóa tổ chức Hội nghị công bố Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040; theo đó xã Đông Yên đã triển khai các thực hiện nhiệm vụ phần địa giới hành chính thuộc Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa tại trụ sở UBND xã, trung tâm văn hóa xã; các nhà văn hóa thôn và các địa điểm công cộng khác. Sau khi các quy hoạch phân khu được phê duyệt, UBND huyện Đông Sơn và các xã rà soát thực hiện cấm mốc giới theo quy định;

Công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch của xã đã thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định, các hệ thống hạ tầng đã được đầu tư xây dựng theo quy hoạch (giai đoạn trước năm 2023), gồm:

+ Hạ tầng xã hội gồm: Trụ sở xã, Nhà văn hóa, trạm Y tế, trường học, khu định vụ thương mại..;

+ Hạ tầng kỹ thuật: Đường giao thông, thoát nước, viễn thông thụ động, thu gom nước thải...;

+ Hạ tầng sản xuất: Đường giao thông nội đồng, các tuyến kênh, mương...

Các hệ thống hạ tầng trên đã được công nhận trong xây dựng nông thôn mới; hiện đã rà soát đảm bảo thực hiện hoàn thành và đạt chuẩn trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Chỉ tiêu 1.3, Xã có quy hoạch chi tiết và đầu tư xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương; 100% mặt bằng được thực hiện đúng theo quy định về quy hoạch khu dân cư phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên, cụ thể:

Thực hiện đầu tư xây dựng điểm dân cư theo Quyết định số 2251/QĐ-UBND, ngày 15/7/2024 của UBND huyện về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn Yên Cẩm 2; Điểm dân cư theo Quyết định số 2250/QĐ-UBND, ngày 15/7/2024 về việc Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn đường Đông Văn – Đông Yên, xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch: Đạt yêu cầu.

4.2. Tiêu chí số 02 về Giao thông:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, có chiều rộng mặt đường $\geq 4,5m$, chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$ (trong đó: $\geq 60\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).

2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định: 100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ và $\geq 50\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: $\geq 90\%$ (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa: 100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$)

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 2.1: Tổng chiều dài đường xã 3,92 km, gồm 06 tuyến được nhựa hoá 3,92/3,92 km đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, đạt tỷ lệ 100%, chiều rộng mặt đường $\geq 4,5m$, chiều rộng nền đường $\geq 6,5m$; được bảo trì 3,92/3,92 km, đạt 100%, trong đó có 3,92/3,92 km, đạt tỷ lệ 100 % tuyến đường xã có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn 16 cái; gờ giảm tốc 12 cái), Cây xanh bóng mát, tường rào thoáng trồng cây xanh chân tường, hoa, cây leo tường đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp 2,96/3,92km đạt 75,51%.)

- Chỉ tiêu 2.2: Đường trục thôn và liên thôn có tổng chiều dài là 12,41 km, gồm 40 tuyến, đã bê tông và nhựa hoá, được bảo trì hàng năm 12,41/12,41 km, đạt 100% và đảm bảo chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$; Có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn 26 cái; gờ giảm tốc 14 cái; Hệ thống điện chiếu sáng cao áp 12,41/12,41 đạt 100%; Cây xanh bóng mát, tường rào thoáng trồng cây xanh chân tường, hoa, cây leo tường đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 8,25/12,41 đạt 64,47%.

- Chỉ tiêu 2.3: Đường ngõ xóm Gồm 51 tuyến, tổng chiều dài là 4,32 km, đã bê tông hoá 4,32/4,32 km và bảo trì hàng năm đạt 100%. Chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0m$ là 3,65/4,32 km đạt 84,5%; đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định.

- Chỉ tiêu 2.4: Gồm 09 tuyến, tổng chiều dài là 7,03km/7,03km đã cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm đạt 100%, trong đó, tỷ lệ mặt đường được bê tông hóa có chiều rộng $B_m \geq 3,0m$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0m$

đã bê tông hoá là 5,0km/7,03 km đạt 71,12%; Đường cấp phối 2,03km/7,03km đạt 28,88%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 02 về Giao thông: Đạt yêu cầu.

4.3. Tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động: $\geq 90\%$

3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả: ≥ 1 .

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: $\geq 20\%$

3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm: 100%.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi (Đạt).

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ: (Khá).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 90\%$.

Hiện trạng sử dụng đất (theo Thống kê, kiểm kê diện tích đất đai đến 31/12/2023) của xã 550,81 ha, trong đó: Đất nông nghiệp: 375,37 ha (Đất trồng lúa: 360,21 ha; Đất trồng cây hằng năm: 1,41 ha; Đất nuôi trồng thủy sản: 1,12 ha; Đất trồng cây lâu năm: 13,75 ha; đất nông nghiệp khác 13,74ha).

3.1.1 Kết quả thực hiện năm 2023:

* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động là:

$$T_{\text{tưới}} = \frac{S_1}{S} \times 100(\%) = \frac{698,98}{735,64} * 100 = 95,02\% \geq 90\% \text{ (Đạt)}$$

Trong đó:

+ $T_{\text{tưới}}$: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động (95,02%).

+ S_1 : Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới chủ động 698,98ha.

+ S : Diện tích gieo trồng cả năm cần tưới theo kế hoạch 735,64 ha

* Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động là:

$$T_{\text{tiêu}} = \frac{F_1}{F} \times 100(\%) = \frac{698,98}{735,64} * 100 = 95,02\% \geq 90\% \text{ (Đạt)}$$

Trong đó:

+ $T_{\text{tiêu}}$: Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động (95,02%).

+ F_1 : Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tiêu nước chủ động 698,98ha

- + F: Diện tích gieo trồng cả năm cần tiêu nước theo kế hoạch 735,64 ha
- * Diện tích nuôi trồng thủy sản xã 1,12 ha được cấp, thoát nước chủ động 1,06 ha đạt 94,64%, cụ thể

$$T_k = \frac{K_1}{K} \times 100(\%) = \frac{1,06}{1,12} * 100 = 94,64\% \geq 90\%$$

Trong đó:

- + T_k : Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản 94,64%.
- + K_1 : Diện tích đất nuôi trồng thủy sản thực tế được cấp, thoát nước chủ động 1,06(ha).
- + K : Diện tích đất nuôi trồng thủy sản cần cấp, thoát nước theo kế hoạch 1,12 (ha).

- Chỉ tiêu 3.2: Có ít nhất một tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững

Hợp tác xã Cơ giới hóa Đông Yên có hoạt động dịch vụ thủy lợi nội đồng, đảm bảo pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi: HTX được thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã (có giấy đăng ký HTX); Có điều lệ hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của HTX thông qua và UBND xã xác nhận. Toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi (1.264/1.264 người) là thành viên HTX. Tổ chức bộ máy, người vận hành HTX đảm bảo năng lực theo quy định. Tổng điểm đánh giá: 97/100 điểm.

- Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: $\geq 20\%$

Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước được tính bằng diện tích đất trồng cây trồng chủ lực là cây lúa (của các vụ trong năm) thực tế áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên tổng diện tích đất trồng cây trồng chủ lực theo kế hoạch, được áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến: Nông - Lộ - Phoi với tổng diện tích thực hiện tỷ lệ 659,4/670,42 ha = 98,36% KH.

- Chỉ tiêu 3.4: Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm, đạt 100%.

Toàn xã có 53 công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng do xã quản lý, với chiều dài 26,99 km, trong đó đã kiên cố 14,69km, chiếm 54,4%, đều được xây dựng kế hoạch và bảo trì hàng năm. HTX đã lập kế hoạch bảo trì tất cả các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng do xã quản lý; có báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra thường xuyên, trước và sau mùa mưa, kiểm tra ngay sau khi có mưa, lũ lớn; hồ sơ thể hiện việc sử dụng lao động, vật liệu thực hiện bảo dưỡng các hạng mục theo kế hoạch. Các hạng mục công trình được sửa chữa thường xuyên đạt 100% so với kế hoạch. Các sự cố, hư hỏng của công trình, máy móc thiết bị hư hỏng do xuống cấp được xử lý, sửa chữa đột xuất kịp thời.

Nguồn kinh phí thực hiện bảo trì các công trình thủy lợi được lấy từ nguồn thu đầu sào do người dùng nước đóng góp.

- Chỉ tiêu 3.5: Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi.

Toàn xã có 7 thôn, dân cư phân bố tập trung thành một vùng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định. Hàng năm, UBND xã triển khai thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát kiểm soát nguồn nước thải trong cụm dân cư, các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất để quản lý nguồn nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền.

- Chỉ tiêu 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về PCTT theo phương châm 4 tại chỗ

+ Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực, hàng năm, UBND xã Đông Yên đã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự xã theo quy định; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ huy. Trong đó, có phân công cho công chức cấp xã theo dõi lĩnh vực PCTT và làm bộ phận thường trực của Ban chỉ huy PCTT, TKCN và PTDS cấp xã.

+ Nguồn nhân lực: 100% cán bộ cấp xã tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai; Đồng thời được tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực, trình độ trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đảm bảo phục vụ công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn xã. Hàng năm, xã thực hiện công tác rà soát, củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai; quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đội xung kích; xây dựng, ban hành quy chế hoạt động, đồng thời xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tập huấn cho lực lượng xung kích PCTT đáp ứng yêu cầu ứng phó có thiên tai xảy ra.

+ Nhân dân trong xã đều được UBND xã triển khai, phổ biến phương án, kế hoạch PCTT và tìm kiếm cứu nạn hàng năm, thông qua các hội nghị Chi bộ, hội nghị nhân dân và trên hệ thống loa truyền thanh của xã đến thôn và cụm dân cư, để mọi người được biết và thực hiện.

+ Hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh luôn được xã quan tâm; UBND xã đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2022 - 2025; hàng năm có tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch PCTT đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương; đồng thời cập nhật, bổ sung và ban hành phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, hạn hán; Phương án huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, hậu cần phục vụ công tác PCTT, TKCN ... đảm bảo theo quy định, đáp ứng yêu cầu về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

+ Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt, sẵn sàng huy động từ 80% trở lên số lượng, chủng loại vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ cho hoạt động phòng, chống thiên tai theo kế hoạch được duyệt. Đảm bảo 100% tổ chức và số hộ gia đình, cá nhân trong xã chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, thực phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai đáp ứng yêu cầu dân sinh tại chỗ.

+ Về cơ sở hạ tầng thiết yếu, xã thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch: sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; điểm dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với loại hình thiên tai thường xuyên; 100% cơ sở hạ tầng được xây dựng mới phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn trước thiên tai đã được ban hành hoặc được lồng ghép nội dung an toàn trước thiên tai.

+ Thông tin, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời, đầy đủ trên hệ thống loa phát thanh của xã, thôn; trên trang facebook phòng chống thiên tai xã kết nối với trang facebook của trung ương, tỉnh, huyện kịp thời truyền tải thông tin về công tác phòng chống thiên tai đến các thành viên BCH và nhân dân trên địa bàn xã được nhanh chóng và hiệu quả.

+ Thực thi pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, luôn được kiểm tra, ngăn chặn kịp thời, không có các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai phát sinh.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai: Đạt.

4.4. Tiêu chí số 04 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định: $\geq 99\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hệ thống điện xã Đông Yên có lưới điện trung áp và lưới điện hạ áp, với đường dây hạ áp dài 14,142 km; trung áp 4,1 km; 05 trạm biến áp, tổng công suất 1.400 KVA phục vụ sản xuất, sinh hoạt trên địa bàn xã. Khoảng cách đến mặt đất tự nhiên khu vực dân cư là 7,5m; đến mặt đường ô tô $> 7,5m$; các cột điện đều là cột bê tông ly tâm được bố trí dây tiếp đất đảm bảo quy định. Móng cột bê tông, các xà giá máy đỡ biến áp, thang trèo... trên tuyến được làm từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành. Xã Đông Yên đã phối hợp với Điện lực Đông Sơn thay thế, tu sửa, bảo dưỡng, cung cấp điện ổn định cho các hộ dân đủ điện sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, tỷ lệ dùng điện của địa phương là 100% (1.481hộ/1.481hộ); Hành lang an toàn điện đảm bảo, hệ thống điện đảm bảo an toàn, không xảy ra tai nạn điện chết người, mất điện kéo dài trong mùa mưa bão.

- Hệ thống công tơ điện và dây dẫn về các hộ gia đình đảm bảo về quy cách và chất lượng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, đang còn trong thời gian kiểm định; dây nối dẫn các hộ dân là dây bọc, đảm bảo về chất lượng dẫn điện và an toàn điện; hành lang an toàn điện đảm bảo.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 04 về Điện: Đạt.

4.5. Tiêu chí số 05 về Giáo dục:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2: 100%.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi (Đạt).

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS (Mức độ 3).

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ (Mức độ 2)

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại: Khá.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 5.1: Xã Đông Yên có 2 trường học với 3 cấp học và 01 Trung tâm học tập cộng đồng. Cả 2 trường đều đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, cơ sở vật chất, thiết bị được đầu tư, một số thiết bị đã mang tính hiện đại.

Trường Tiểu học và THCS Đông Yên đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 01 theo Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa; Trường Mầm Non Đông Yên đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Chỉ tiêu 5.2: Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, kết quả cụ thể:

Hàng năm, xã đều duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập GDMNTE5T tốt và được UBND huyện công nhận đạt chuẩn Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, kết quả 2 năm gần đây: Năm 2022, đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 3940/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận kết quả đạt chuẩn PCGD-XMC năm 2022; Năm 2023, đạt chuẩn PCGDMN trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đông Sơn, năm 2023, chi tiết cụ thể:

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến lớp đạt 100% (79/79);

+ Tỷ lệ trẻ 6 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đạt 100% (82/82);

- Chỉ tiêu 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc công nhận đạt chuẩn PCGD-XMC cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đông Sơn, năm 2023, chi tiết cụ thể:

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-25 được công nhận biết chữ đạt 100% (693/693);

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-35 được công nhận biết chữ đạt 100% (1719/1719);

+ Tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15-60 được công nhận biết chữ đạt 100% (3702/3702);

- Chỉ tiêu số 5.5: Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại tốt, năm 2023 tại Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn và Quyết định 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn.

- Chỉ tiêu 5.6: Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

Xã đã xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch theo hướng xã hội hóa về mô hình giáo dục thể chất cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm văn hóa từng dân tộc, lứa tuổi của học sinh: Dạy bơi trong dịp hè hàng năm; nhảy dân vũ tập thể; võ thuật truyền thống; chỉ đạo các nhà trường thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể dục, thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền ..., cụ thể như sau:

Năm học 2023-2024, Chủ tịch UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 25/8/2022 về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao năm 2023 và ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Mô hình Giáo dục thể chất năm học 2023-2024; Trên cơ sở kế hoạch của UBND xã và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, đặc thù của đơn vị, các nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất, thành lập câu lạc bộ cầu lông, dân vũ thể thao, võ vovinam, aerobic, bóng đá...theo hướng xã hội hóa, thu hút được sự quan tâm, phối hợp tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội các cấp, các lực lượng trong và ngoài nhà trường...; Tổ chức cho học sinh tập luyện, hoạt động thường xuyên, có hiệu quả theo năm học, cụ thể như:

Trường TH&THCS Đông Yên có Kế hoạch số 75/KH-TH&THCS ngày 10/9/2023 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể dục thể thao, năm học 2023-2024, mô hình CLB võ thuật Vovinam theo Quyết định số 76/QĐ-TH&THCS ngày 10/9/2023 về việc thành lập CLB võ thuật Vovinam trường TH&THCS Đông Yên, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban chủ nhiệm và các thành viên.

Trường Mầm non Đông Yên có Kế hoạch số 20/KH-MN ngày 10/9/2023 về kế hoạch giáo dục thể chất cho trẻ trong trường mầm non năm học 2023-2024, mô hình CLB Aerobic theo Quyết định số 23 /QĐ-MN ngày 10/9/2023 về việc công nhận Câu lạc bộ Aerobic trường MN Đông Yên, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách ban chủ nhiệm và các thành viên.

Các mô hình giáo dục thể chất của các trường hoạt động đã giúp học sinh được trang bị kiến thức, kỹ năng an toàn trong hoạt động hàng ngày. Các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường đã thu hút được sự tham gia ngày càng đông đảo

của cán bộ giáo viên và học sinh trong nhà trường, các câu lạc bộ hoạt động sôi nổi tạo sân chơi lành mạnh bổ ích cho các em. Các câu lạc bộ đã duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả; CBGV và học sinh tham gia nhiều giải đấu, giao lưu với các đội bạn trong xã và trên địa bàn huyện, giành được nhiều thành tích, được UBND xã và các nhà trường tặng nhiều giấy khen năm học 2023-2024.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 05 về Giáo dục: Đạt yêu cầu.

4. 6. Tiêu chí 06 về Văn hóa:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

- *Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.*

- *Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn, bản và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên.*

- *Triển khai thực hiện các hoạt động thư viện.*

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. (Đạt)

6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới: $\geq 75\%$ đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục ($\geq 78\%$ trong năm xét, công nhận hoặc năm liền kề). $\geq 50\%$ đạt chuẩn nông thôn mới.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 6.1:

+ Có các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời, đạt 100%, trong đó:

* Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã:

Trung tâm văn hoá – Thể thao xã được quy hoạch, đầu tư riêng biệt bên ngoài khu hành chính xã với quy mô 2.650 m²; gồm hội trường đa năng và Nhà thi đấu đa năng. Các thiết chế cấp xã được xây dựng tường rào bao quanh, bố trí các cây xanh, cây bóng mát, cây hoa hài hòa, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Trung tâm Văn hóa - thể thao xã gắn biển tên, ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Văn hoá-Thể thao xã Đông Yên (*Quyết định số 7050/QĐ-UBND ngày 18/8/2024 của UBND huyện*); hằng năm xây dựng kế hoạch hoạt động, sinh hoạt cộng đồng, thu hút đông đảo người dân tham gia.

Hội trường đa năng xã: diện tích quy hoạch 500m², quy mô 250 chỗ ngồi, sân khấu có diện tích 70m². Trang thiết bị hội trường đa năng trang bị đầy đủ (bàn,

ghê, giá, tủ, âm thanh, ánh sáng, loa đài), đảm bảo tổ chức các hội nghị, sự kiện, chương trình văn hóa, văn nghệ và các hoạt động khác quy mô cấp xã.

Các phòng chức năng: có đầy đủ 05 phòng chức năng đảm bảo theo quy định (*phòng hành chính, phòng thư viện, phòng đài truyền thanh, phòng sinh hoạt câu lạc bộ và phòng tập các môn thể thao đơn giản*). Các phòng chức năng trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, thể thao như sách, báo, tạp chí, dụng cụ thể dục, thể thao, đạo cụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt, tập luyện của người dân.

Khu thể thao xã: diện tích quy hoạch 2.150m², gồm có Nhà thi đấu và khu vực vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Bên trong nhà thi đấu bố trí sân cầu lông, sân bóng chuyền da, khu vực chơi bóng bàn và các thiết chế đầy đủ. Khu vực vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi được bố trí bên ngoài nhà thi đấu với diện tích 200m², lát gạch chống trơn trượt, lắp đặt 10 bộ thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em (đu quay, bập bênh, cầu trượt, xích đu, thú nhún, xà đơn, xà kép), bố trí các pano, áp phích, nội dung tuyên truyền phòng chống đuối nước, khu vực đi bộ, dưỡng sinh, chơi cờ của người cao tuổi.

- Sân vận động xã: có diện tích quy hoạch 10.050m², có tường rào bao quanh, lắp đặt biển tên, mặt cỏ thoáng, có cây xanh bóng mát, hệ thống thoát nước (có nắp đậy). Có hệ thống sân khấu, khán đài, đường chạy điền kinh, sân nhảy cao, nhảy xa. Trong sân vận động bố trí sân bóng đá kích thước 45m x 90m. Ngoài ra, còn bố trí 02 khu vực thay đồ, 02 khu vực vệ sinh (nam, nữ), phục vụ nhu cầu của người dân khi tham gia tập luyện thể thao, các giải bóng đá, giải thể thao của xã. Lắp đặt 07 bộ dụng cụ thể thao ngoài trời phục vụ hoạt động thể dục thể thao quần chúng trên địa bàn xã.

* Nhà Văn hóa - Khu Thể thao các thôn:

Xã Đông Yên có 07 thôn, đã tập trung các nguồn lực để xây mới 02 nhà văn hóa - khu thể thao của 02 thôn Yên Thành, Yên Cẩm 1; sửa chữa, tu bổ 05 nhà văn hóa – khu thể thao thôn còn lại để đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của cộng đồng dân cư.

Nhà Văn hóa – Khu thể thao các thôn: 07/07 (đạt 100%) có diện tích quy hoạch từ 1.000m² - 2500m², quy mô xây dựng 150 đến 200 chỗ ngồi. Khuôn viên, cảnh quan thường xuyên chỉnh trang, quét dọn vệ sinh, bổ sung đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động, có tường rào bao quanh, trồng các loại cây bóng mát, cây xanh, bố trí tường rào xanh (mắt ngọc, mẫu đơn), toàn bộ sân được lát gạch chống trơn trượt và bố trí các cây hoa như hoa giấy, mẫu đơn, hoa hồng ... tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, thân thiện.

100% khu thể thao các thôn lắp từ 07 đến 10 dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời như xà đơn, xà kép, đu quay, bập bênh ... và trang bị đầy đủ thiết bị như bóng, lưới di động chơi các môn cầu lông, bóng chuyền hơi, bóng chuyền da, đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao của người dân tại các thôn.

Đảm bảo 100% các địa điểm sinh hoạt công cộng trên địa bàn xã lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao, vui chơi cho trẻ em phù hợp, đảm bảo thuận tiện, an toàn cho người dân tham gia tập luyện.

+ Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên, đáp ứng nhiệm vụ chính trị của địa phương, giữ gìn, bảo vệ, phát huy các bản sắc, giá trị văn hóa của địa phương.

Tổ chức các hoạt động xây dựng nếp sống văn hóa cơ sở: hoạt động tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị duy trì từ 15-20 cuộc/năm, bên cạnh thực hiện tuyên truyền lưu động, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang mạng xã hội. Tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, thực hiện nếp sống văn minh, thực hành tiết kiệm trong việc cưới, việc tang, lễ hội, ngày giỗ, ngày tết, 100% các thôn xây dựng và thực hiện quy ước được cấp có thẩm quyền công nhận, các nội dung quy ước tập trung quy định giao tiếp ứng xử trong sinh hoạt cộng đồng, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và giữ gìn an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội. Xã duy trì trao thư chúc mừng cho các đôi vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã; gửi thư chia buồn đến gia đình người đã mất và thông qua hoạt động này tuyên truyền các quy định nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang của tỉnh Thanh Hóa (*một mặt Thư chúc mừng và Thư chia buồn có in một số quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa*).

Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao: hằng năm, tổ chức từ 4 đến 6 các cuộc thi, hội thi tìm hiểu kiến thức, kỹ năng, liên hoan văn nghệ tại trung tâm văn hóa thể thao xã. Tại các nhà văn hóa thôn, tổ chức từ 12-15 cuộc/năm hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ giữ các thôn, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội, các hoạt động dành cho thanh thiếu nhi, hoạt động hè. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đã thu hút trên 30% nhân dân tham gia, hưởng thụ và sáng tạo văn hóa. Hằng năm, các thôn tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày sách và văn hóa đọc Việt Nam (20/4), thu hút nhân dân tham gia quyên góp sách về nhà văn hóa thôn, luân chuyển sách từ huyện, xã về thôn, phát động xây dựng các tủ sách tại gia đình, dòng họ. 100% các thôn đều có tủ sách với hơn 50 đầu sách.

Xã triển khai tổ chức các loại hình câu lạc bộ văn hóa văn nghệ bảo tồn văn hóa truyền thống; xây dựng các mô hình hoạt động CLB văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn trên địa bàn, với 11 câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức tốt các hội diễn văn hóa, văn nghệ quần chúng, các giải thể dục, thể thao nhân dịp các ngày lễ, ngày kỷ niệm, đảm bảo thu hút 42% người dân tham gia thường xuyên.

Đối với hoạt động thư viện: xã có 01 thư viện (phòng đọc) với trên 500 đầu sách, báo, tạp chí; 02 máy tính được kết nối internet phục vụ mọi người dân đến tra cứu, học tập. Ngoài ra xã còn thường xuyên xây dựng Kế hoạch luân chuyển

sách, báo về các phòng đọc của thôn, nhà trường, tổ chức ngày hội đọc sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, học sinh nghiên cứu, tiếp cận thông tin vv... Phục vụ bạn đọc trên 3.000 lượt/năm. Phối hợp với Thư viện huyện tổ chức các hoạt động luân chuyển sách về các tủ sách tại nhà văn hóa thôn, phối hợp với các trường học trên địa bàn phát động hưởng ứng, tổ chức các hoạt động nhân Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam.

- Chỉ tiêu 6.2: UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 451/KH-UBND ngày 31/12/2023 về việc Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di sản văn hóa trên địa bàn xã Đông Yên năm 2024; Kế hoạch số 488/KH-UBND ngày 08/8/2024 về việc Kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn xã Đông Yên; Kế hoạch số 489/KH-UBND ngày 08/8/2024 về việc Kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn xã Đông Yên; Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 về việc Thành lập Tổ kiểm kê di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn xã Đông Yên. Kết quả kiểm kê, xã có 03 di tích đã được xếp hạng; trong đó có 01 di tích xếp hạng cấp Quốc gia, 02 di tích xếp hạng cấp Tỉnh. 100% di tích trên địa bàn xã thành lập được Ban quản lý di tích tại Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 về việc kiện toàn Ban quản lý Di tích Lịch sử - Văn hóa trên địa bàn xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hàng năm đã bố trí kinh phí để bảo tồn, duy trì phát huy các loại hình di sản văn hóa trên địa bàn. Tại thời điểm xét công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, trên địa bàn xã không để xảy ra các hoạt động khiếu nại, khiếu kiện về di tích; không vi phạm trong hoạt động trùng tu, tu bổ, tôn tạo di tích. Xã đã bố trí xây dựng được phòng truyền thống của xã với diện tích 12m² tại khuôn viên Nhà văn hóa đa năng của xã.

- Chỉ tiêu 6.3:

* Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa:

UBND xã đã triển khai và thực hiện việc bình xét, công nhận và đề nghị công nhận các danh hiệu văn hóa theo đúng quy định của Luật thi đua khen thưởng; Nghị định 86/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” và Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chi tiết tiêu chuẩn xét, tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Tỷ lệ công nhận danh hiệu văn hóa tại thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 7/7 thôn (đạt 100%) được UBND huyện Đông Sơn công nhận thôn văn hoá 5 năm liên tục; thôn Yên Doãn 1 và thôn Yên Cẩm 1 được UBND huyện tặng Giấy khen đạt danh hiệu văn hóa 5 năm liên tục, giai đoạn (2018-2022), giai đoạn (2019-2023); 1.357/1.481 hộ (tỷ lệ 91,6%) đạt danh hiệu gia đình văn hóa; 1236/1481 (= 83,4%) đạt danh hiệu gia đình văn hoá 3 năm liên tục (giai đoạn 2021-2023), có 409 hộ được tặng giấy khen đạt danh hiệu Gia đình văn hoá trong 3 năm liên tục (2021-2023) đạt tỷ lệ 27,61%.

Trong những năm qua, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống, đặc biệt là bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội,..thành lập và duy trì hoạt động mô hình các CLB như: CLB phòng chống bạo lực gia đình, CLB liên thế hệ, CLB gia đình phát triển bền vững. Phát huy vai trò tự quản cộng đồng thông qua thực hiện quy ước thôn, phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu triển khai rộng rãi, xét tặng các danh hiệu văn hóa công khai, minh bạch, công tác hòa giải tại cơ sở được tiến hành kịp thời vì vậy, trên địa bàn xã không xảy ra các vụ bạo lực gia đình.

* Tỷ lệ thôn đạt chuẩn nông thôn mới:

Năm 2018, 07/07 thôn (đạt100%) đạt danh hiệu thôn nông thôn mới, xã Đông Yên được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Giai đoạn 2020-2024, xã đã triển khai, xây dựng kế hoạch, tập trung các nguồn lực để xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Kết quả: 07/07 thôn (100%) được công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 06 về Văn hóa: Đạt.

4.7. Tiêu chí 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an toàn thực phẩm theo quy định). Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Xã Đông Yên có Chợ Mộc Nhuận, là chợ hạng 3 do UBND xã quản lý đảm bảo quy định theo Quyết định số 1214/QĐ-BCT ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Công thương và đạt Chợ kinh doanh thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn được cấp giấy chứng nhận số 2659/QĐCN- IQC- HCC ngày 16/10/2021 về việc cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11856:2017; Thông báo kết quả giám sát duy trì số 2659/IQC- CD – KQGS -13B ngày 12/6/2023 về việc duy trì chứng nhận hợp chuẩn chợ Đông Yên phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11856:2017.

Chợ được nâng cấp xây dựng theo quy hoạch chợ chuẩn Nông thôn mới. Quy mô, diện tích 2.038,8m²; Chợ Mộc Nhuận hoạt động 30 ngày /tháng; Diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh cố định trong chợ 12m²

Quy mô Nhà chợ chính được bố trí: 01 khu bán hàng gồm 10 gian hàng, kết cấu móng xây đá, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, kèo thép, mái tôn. Khu ki ốt 10 gian hàng diện tích 12m² một ki ốt; Khu vực rau củ quả 03 gian hàng, Khu vực thủy sản 02 gian hàng. Khuôn viên chợ có hệ thống tường rào bao quanh, nền và sân chợ được đổ bê tông; có nhà điều hành khoảng 12m² kèo thép, mái tôn; khu vệ sinh khoảng 20m². Các khu vực bán hàng được quy định các mặt hàng kinh doanh cụ thể, hợp lý tạo môi trường vệ sinh sạch sẽ. Có hệ thống cấp

nước sạch và rãnh thoát nước riêng, đảm bảo thông thoáng và dễ dàng thông tắc, Trong Chợ có sử dụng nguồn nước sạch, có một bể nước chứa nước 1,5m³ dùng cho công tác vệ sinh chung của Chợ; có khu vực để xe nền bằng bê tông, phù hợp với lưu lượng người vào chợ, được bố trí đảm bảo trật tự, an toàn cho khách. Khu thu gom và xử lý rác thải và phương án vận chuyển rác trong ngày về khu xử lý rác tập trung của xã. Có bố trí riêng biệt các khu: bán thịt tươi sống, thủy hải sản, khu rau củ quả...

Có phương án và hệ thống cấp điện đảm bảo cho hoạt động của chợ. Có phương án và thiết bị phòng cháy chữa cháy, chợ được trang bị 07 bình chữa cháy đảm bảo chất lượng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 07 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt yêu cầu.

4. 8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông.

a. Yêu cầu tiêu chí:

8.1: *Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (Đạt)*

8.2: *Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại. (Đạt)*

8.3: *Có dịch vụ báo chí truyền thông. (Đạt)*

8.4: *Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội. (Đạt)*

8.5: *Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng). (Đạt)*

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 8.1, xã Đông Yên có 01 điểm phục vụ Bưu chính là Bưu điện Văn hóa xã Đông Yên, mã số hiệu 40816, bán kính phục vụ bình quân trên một điểm phục vụ 3,0km; theo QCVN 01:2015/BTTTT về diện tích, bán kính phục vụ, thực hiện niêm yết thời gian phục vụ, niêm yết nội quy sử dụng và treo biển hiệu theo quy định; đáp ứng tiêu chuẩn về mặt bằng, trang thiết bị theo quy định của ngành, cụ thể: Bưu điện Văn hóa xã Đông Yên có diện tích 200m², mặt bằng giao dịch khang trang, xanh, sạch đẹp, trang thiết bị đầy đủ, phù hợp; cung cấp đầy đủ các dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của nhà nước. Hiện tại, đang duy trì phục vụ và cung ứng tốt các dịch vụ bao gồm: bưu chính, tài chính, phân phối, dịch vụ công trực tuyến. Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ: Buổi Sáng từ 7h giờ đến 11 giờ 30 phút; Buổi Chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ.; thời gian phục vụ tối thiểu là 8h/ngày làm việc.

Tại điểm bưu điện văn hóa xã Có máy tính kết nối internet tại điểm phục vụ. Nhân viên tại Điểm phục vụ có khả năng sử dụng thành thạo và hướng dẫn được

cho người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Điểm bưu điện văn hóa xã có khả năng tiếp nhận và trả hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến theo yêu cầu của người dân.

- Chỉ tiêu 8.2: Số người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh là 4.191/5.088 người đạt 82,37%. Hiện nay, việc sử dụng điện thoại thông minh của người dân trên địa bàn xã là khá phổ biến, ngoài việc nghe và gọi, người dân còn sử dụng điện thoại thông minh vào nhiều mục đích khác như truy cập internet, chia sẻ trên mạng xã hội, nghe nhạc, xem phim, chụp ảnh, quay video, giải trí, học tập; khai thác, sử dụng nhiều ứng dụng khác như thanh toán hoá đơn, chuyển tiền, gửi email, tìm đường.

- Chỉ tiêu 8.3, xã hiện có 01 đài truyền thanh và 7/7 thôn với 36 loa, sử dụng công nghệ internet kết hợp với hệ truyền thanh hữu tuyến đang hoạt động đảm bảo hệ thống loa truyền thanh kết nối với đài truyền thanh xã hoạt động ổn định, phục vụ tốt công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng, Chính sách Pháp luật của Nhà nước đến cộng đồng dân cư trong xã. Tất cả các thôn trên địa bàn xã đều đáp ứng được các điều kiện cơ bản: hạ tầng viễn thông có định mặt đất (Công nghệ băng rộng cố định), mạng thông tin di động mặt đất (Công nghệ di động 3G, 4G) sẵn sàng cung cấp đầy đủ các dịch vụ viễn thông, Internet theo quy định của Bộ thông tin và truyền thông và đạt 100%, đảm bảo cung cấp đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet của các tổ chức cá nhân trên địa bàn.

Dịch vụ viễn thông trên địa bàn xã đều đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Các tuyến cáp viễn thông, internet treo trên các cột được lắp đặt gọn gàng, mỹ quan, đảm bảo an toàn, an ninh.

Xã có 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm tại thôn Yên Bằng: cửa hàng Khánh Vân, chủ cửa hàng là bà Phạm Thị Hải. Điểm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp các loại sách giáo khoa, báo, các ấn phẩm, tạp chí chủ yếu phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân trong thôn, góp phần thúc đẩy, nâng cao nhận thức, văn hoá của học sinh và người dân trong thôn. Điểm cung cấp xuất bản phẩm hoạt động theo các quy định của pháp luật.

- Chỉ tiêu 8.4

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt 100%, được bộ phận một cửa tiếp nhận số hóa trên hệ thống thông tin một cửa điện tử. từ ngày 01/1/2024 đến 30/8/2024, số hồ sơ tiếp nhận là 789 hồ sơ. Trong đó: Trực tiếp qua dịch vụ BCCI là 77 hồ sơ; trực tuyến là 712 hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công toàn trình: 712/789 đạt 90,2%;

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin, đạt 100% (19/19) cán bộ, công chức của xã đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin. Ngoài việc tham gia các lớp tập huấn do Sở Thông tin và Truyền thông, UBND xã tổ chức, cán bộ, công chức của xã còn được tham gia các lớp tập huấn online do Bộ Thông tin và

Truyền thông và các đơn vị khác tổ chức, qua đó đã góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin trong việc sử dụng các trang thiết bị, phần mềm ứng dụng CNTT, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức xã.

+ Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản: Trên cơ sở các tài liệu, nội dung, hướng dẫn thực hiện chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện hướng dẫn, xã đã chủ động, tích cực thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đến người dân trong xã thông qua hệ thống Đài truyền thanh cơ sở; UBND xã mở các lớp tập huấn tuyên truyền để phổ biến, nâng cao kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản; khả năng khai thác, sử dụng các thiết bị, ứng dụng của người dân, đến nay tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản của xã đạt 3.890 /5088 người đạt tỷ lệ 76,4%.

+ Tỷ lệ sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử (postmart.vn hoặc voso.vn), đạt 100% (01/01 sản phẩm). Xã có 01 sản phẩm được UBND huyện công nhận là sản phẩm OCOP (Nem chua Minh Trang). Tại Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 15/8/2024 của UBND huyện Đông Sơn. UBND xã đã phối hợp với Bưu điện huyện Đông Sơn, phòng Văn hoá và Thông tin để đưa sản phẩm OCOP của xã giới thiệu và quảng bá trên sàn thương mại điện tử của Tổng công ty bưu điện Việt Nam (<https://buudien.vn/> tại địa chỉ https://buudien.vn/Goods/index.html?goods_id=23659), góp phần thúc đẩy, nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng thị trường cho sản phẩm.

- Chỉ tiêu 8.5, trên địa bàn xã có 18 điểm phát Wifi miễn phí phục vụ người dân: 01 tại trụ Sở UBND xã và Hội trường UBND xã; 01 tại bộ phận 1 của xã; 01 điểm trung tâm văn hóa thể thao xã; 7/7 thôn và 8 điểm tại các di tích lịch sử, trạm y tế, bưu điện, công an, các trường học... trên địa bàn xã cũng đã được lắp đặt wifi miễn phí phục vụ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, dễ dàng truy cập internet, sử dụng các dịch vụ số.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 8 về Thông Tin và Tuyên truyền: Đạt.

4. 9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư.

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: $\geq 90\%$.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tổng số hộ có nhà ở trong xã 1.481 hộ; trong đó, số hộ ở nhà tạm, nhà dột nát: 0 hộ; Số hộ có nhà ở không đạt chuẩn BXD: 85/1.481 hộ chiếm tỷ lệ 5,74%; Tổng số hộ có nhà ở đạt chuẩn BXD: 1.396 hộ; Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt chuẩn BXD: 1.396/1.481 hộ đạt 94,26%; kiến trúc nhà ở dân cư phù hợp với phong tục tập quán sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã; các khu dân cư đã được chỉnh trang, đảm bảo xanh, sạch đẹp (như trồng hoa 2 bên đường; làm rãnh

thoát nước có nắp đậy; bố trí cột đèn đường; cắt tỉa cây làm thông thoáng tầm nhìn; các hộ dân đã cơ bản chỉnh trang, sơn lại nhà cửa tường rào...vv).

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 9 về nhà ở dân cư: Đạt yêu cầu.

4. 10. Tiêu chí số 10 về thu nhập

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tiêu chí số 10: Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người), năm 2024, đối với xã vùng 2, năm 2024: ≥ 62 triệu đồng/người.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm, Đảng ủy xã đã có nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, UBND xã xây dựng kế hoạch và chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ từ sản xuất nông nghiệp theo hướng liên kết, chuỗi giá trị, cải tạo vườn hộ, trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, chăn nuôi gia súc, gia cầm... đến duy trì, mở rộng các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, thu hút vốn đầu tư, tạo việc làm; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động. Các doanh nghiệp và cơ sở kinh doanh đã tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều lao động tại địa phương, đặc biệt là các khu công nghiệp của huyện và thành phố Thanh Hóa đã thu hút và giải quyết nhiều việc làm với số lượng lớn lao động của xã, góp phần nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người toàn xã. Sản xuất nông nghiệp có nhiều mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả cao như: mô hình trồng trồng dưa vàng trong nhà màng, nhà lưới, mô hình phát triển kinh tế trang trại, vườn hộ được chỉnh trang, cải tạo trồng những cây có giá trị và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất... Vì vậy, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao, thu nhập bình quân đầu người cũng tăng liên tục qua các năm.

Thực hiện Hướng dẫn số 291/CTK-XH ngày 14/7/2022 của Cục thống kê Thanh Hóa và của chi cục thống kê huyện Đông Sơn về Hướng dẫn thực hiện thu thập, tổng hợp và tính toán tiêu chí thu nhập thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, kết quả đến tháng 8/2024, thu nhập xã **đạt 64,63 triệu đồng/người/năm.**

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt.

4.11. Tiêu chí số 11 về nghèo đa chiều

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2023-2025 vùng 2: < 4 %.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí: Tổng số hộ dân cư của xã tại thời điểm rà soát 1.481 hộ và 5.088 khẩu.

* *Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (trừ số hộ nghèo không có khả năng lao động)*

Theo kết quả rà soát thường kỳ năm 2023, toàn xã có 05 hộ nghèo, trong đó 05 hộ nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ nghèo của xã (đã trừ đi số hộ nghèo không có khả năng lao động) là 0 hộ. Do đó:

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (\%)} = \frac{5 - 5}{1481 - 5} \times 100 = 0 \%$$

* *Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (trừ số hộ cận nghèo không có khả năng lao động)*

Theo kết quả rà soát thường kỳ năm 2023 toàn xã có 15 hộ cận nghèo, trong đó 05 hộ cận nghèo không có khả năng lao động. Tổng số hộ cận nghèo của xã (đã trừ đi số hộ cận nghèo không có khả năng lao động) là 10 hộ. Do đó:

$$\text{Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (\%)} = \frac{15 - 5}{1481 - 5} \times 100 = 0,68 \%$$

* *Tỷ lệ nghèo đa chiều của xã được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều (trừ hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động)*

$$\text{Tỷ lệ nghèo đa chiều (\%)} = 0 \% + 0,68\% = 0,68 \%$$

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 11 Nghèo đa chiều: Đạt.

4.12. Tiêu chí 12 về Lao động

a) Yêu cầu của tiêu chí:

12.1. *Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 80\%$*

12.2. *Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ): $\geq 30 \%$*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn xã có lực lượng lao động 2.913 người; lao động qua đào tạo 2.398 người; lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 937 người, đạt tỷ lệ:

$$\text{- Tỷ lệ lao động qua đào tạo (\%)} = \frac{2398}{2913} \times 100\% = 82,32 \%$$

$$\text{- Tỷ lệ LĐ qua ĐT có bằng cấp, chứng chỉ (\%)} = \frac{937}{2913} \times 100\% = 32,17 \%$$

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 12 Lao Động: Đạt

4.13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí:

13.1 *Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. ≥ 1*

13.2. *Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn. (Đạt).*

13.3. *Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm. ≥ 1*

13.4. *Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. ≥ 1 sản phẩm.*

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. $\geq 10\%$.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. Đạt (nếu có).

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội. (Đạt)

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) ≥ 1 mô hình.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

Xã Đông Yên có HTXDV nông nghiệp tưới tiêu Đông Yên, hoạt động theo Luật HTX năm 2012, với phương thức dịch vụ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh dưới sự quản lý của UBND xã. Hợp tác xã thành lập năm 2017 có giấy đăng ký thành lập Hợp tác xã do phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Đông Sơn cấp, số 26W700021 đăng ký lần đầu ngày 26/10/2017; thay đổi đăng ký lần thứ 2 ngày 09/3/2018; HTX tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh dưới sự quản lý của UBND xã tính đến thời điểm hiện nay, HTX có 29 thành viên tham gia, có HĐQT gồm 03 người, trong đó Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc HTX, Phó chủ tịch HĐQT kiêm phó giám đốc HTX và 01 Ủy viên HĐQT, 01 Kiểm soát viên và 25 thành viên HTX. Các thành viên góp vốn bằng tiền Việt Nam đồng, mức đóng góp tối đa không quá 20% vốn điều lệ của HTX, vốn điều lệ của HTX là 79.000.000 đồng.

Hàng năm HTX được đánh giá xếp loại đạt loại khá, hoạt động của HTX có lãi, đảm bảo đời sống cho các thành viên trong HTX; HTX sản xuất, kinh doanh chủ yếu trên một số ngành nghề, dịch vụ như: dịch vụ giải phóng đất, thu hoạch lúa bằng máy gặt, tưới tiêu, bảo vệ sản xuất, thủy lợi nội đồng và dịch vụ thuốc bảo vệ thực vật, liên kết thu mua lúa tươi, duy trì hoạt động khuyến nông, bảo vệ thực vật, hướng dẫn nhân dân các biện pháp chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh kịp thời và đạt hiệu quả.

Hàng năm, HTX DV nông nghiệp tưới tiêu Đông Yên thực hiện ký kết với Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê tiêu thụ sản phẩm chủ lực là lúa tươi cho người dân trong xã và cung ứng thuốc bảo vệ thực vật cho xã viên và nhân dân. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 sau khi trừ tất cả các chi phí, trả lương... đảm bảo lợi nhuận hơn 300 triệu đồng, duy trì mô hình liên kết gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của xã, bước đầu đã đem lại hiệu quả, tạo được niềm tin của xã viên và nhân dân trong xã.

- Chỉ tiêu 13.2, có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.

Xã Đông Yên có 01 sản phẩm OCOP: Nem chua Minh Trang chứng nhận

hạng 3 sao, được UBND huyện Đông Sơn công nhận tại Quyết định số 7016/QĐ-UBND, ngày 15/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn về việc Phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP huyện Đông Sơn đợt 1, năm 2024.

- Chỉ tiêu 13.3, có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

Mô hình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Đông Yên với quy mô thực hiện mô hình cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất lúa 120,45ha/vụ (cả 2 vụ là 240,9ha), số hộ tham gia 823 hộ. Sản phẩm chính của mô hình là sản xuất lúa Bắc Thơm số 7 kháng bạc lá; tổng sản lượng 750tấn/vụ chiêm xuân; 648 tấn/vụ mùa.

+ Số lượng máy móc, trang thiết bị phục vụ mô hình: Khâu làm đất 8 máy Kubota B2420, công suất 8ha/ngày/8h, thực hiện trong mô hình về khâu gieo trồng hết 2 ngày; phục vụ số diện tích còn lại của xã không tham gia thực hiện mô hình là 99,86ha, thực hiện trong 2,6 ngày đã đáp ứng kịp thời vụ; Khâu gieo trồng, có 6 máy cấy, 2 máy làm mạ khay 10.000 khay/ngày; Loại máy Kubota SL-K800WN, công suất 5ha/ngày/8h; Khâu tưới tiêu 240,9/240,9ha đạt 100% diện tích của xã được tưới tiêu tự chảy, chủ động, đáp ứng yêu cầu sản xuất và ứng dụng cơ giới hóa; Khâu chăm sóc, do nhân dân sử dụng thuốc trừ cỏ để phun cho lúa nên việc làm cỏ gần như không phải làm nhiều; Bảo vệ thực vật, có 01 máy bay phun thuốc trừ sâu, công suất 10ha/ngày; 211 bình bơm thuốc sâu bằng điện phục vụ cho nhân dân phòng trừ sâu bệnh; Khâu thu hoạch, 8 máy gặt Kubota DC70, công suất 14ha/ngày/8h, một ngày gặt được 112ha, thời gian thu hoạch của mô hình khoảng 2 ngày.

+ Tỷ lệ các khâu được cơ giới hóa: Khâu làm đất 240,9/240,9ha đạt 100%; Khâu gieo trồng 173,6/240,9ha đạt 72,1%; khâu gieo trồng chỉ đạt 72,1% do trong vùng có hộ vẫn sử dụng mạ khay, cấy tay; Khâu chăm sóc 166,8/240,9ha đạt 69,2%, do người dân vẫn còn bón bằng tay chưa thể áp dụng được cơ giới hóa; Khâu thu hoạch 240,9/240,9ha đạt 100%; Khâu vận chuyển 240,9/240,9ha đạt 100%; Bảo quản 240,9/240,9ha, đạt 100% (Công ty thu mua lúa tươi ngay tại ruộng, vận chuyển về công ty sấy).

+ Xử lý phụ phẩm trồng trọt 240,9/240,9ha, đạt 100% (Rơm được đơn vị thu gom cuộn vận chuyển cho chăn nuôi).

- Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã:

Xã Đông Yên đã ban hành Quyết định số 811/QĐ- UBND ngày 09/12/2021 về việc ban hành kế hoạch phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn xã Đông Yên giai đoạn 2022 - 2025; trong đó, xác định các sản phẩm chủ lực là lúa, gạo. HTX DVNN – Tươi, tiêu đã liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm lúa tại vùng sản xuất tập trung 120,45 ha với Công ty cổ phần thương mại Sao

Khuê. Sau đó, Công ty cổ phần thương mại Sao Khuê đã ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần I-Check thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc và cấp tem cho sản phẩm gạo của xã. Đến nay, đã có 55.000 tem được dán trên bao bì sản phẩm, phục vụ cho công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm ở từng công đoạn. Lượng gạo đưa ra thị trường hiện nay 1.353 tấn được liên kết tiêu thụ, giá trị tăng gấp 1,5 lần so với sản xuất bình thường.

- Chỉ tiêu 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. (tỷ lệ đạt $\geq 10\%$).

Sản phẩm chủ lực của xã là lúa, gạo, hợp tác xã đã liên kết tiêu thụ lúa tươi với công ty cổ phần thương mại Sao Khuê và sản phẩm Nem chua Minh Trang (Sản phẩm OCOP 3 sao) liên kết với các đơn vị trên sàn giao dịch điện tử trên trang: Website:<http://saokhue.com.vn>, ngoài ra còn được phân phối qua kênh thương mại điện tử Postmart.com, đảm bảo quy định tại quyết định số: 896/QĐ-BNN-VPĐP ngày 01/4/2024 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới cao giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung 120,45 ha, số hộ tham gia: 823 hộ năng suất bình quân đạt 62,5 tạ/ha; sản lượng 1.505,6 tấn. Giá trị sản xuất lúa 10,688 tỷ đồng chiếm 34,3% tổng giá trị sản xuất lúa, là sản phẩm nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. Trong đó, UBND chỉ đạo và giao HTX Cơ giới hóa Đông Yên triển khai thực hiện vùng trồng lúa tập trung với Mã số vùng trồng: VN -38-405-16393-16-24; vùng trồng tại Xứ đồng Đù Đù, Thôn Yên Doãn 1, Xã Đông Yên, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Diện tích với quy mô 5,94 ha, 34 hộ tham gia, sản lượng dự kiến 74,2 tấn. Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP.

- Chỉ tiêu 13.7. Triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

Xã Đông Yên, huyện Đông Sơn đã thành lập được trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ: <https://dongyen.dongson.thanhhoa.gov.vn> và được kết nối với Cổng thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ: <https://dongson.thanhhoa.gov.vn/web/trang-chu/tong-quan/di-tich-danh-thang-du-lich> nhằm tuyên truyền, quảng bá về vùng đất, con người, các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa, di tích và các sản phẩm OCOP trên địa bàn đến Nhân dân trong và ngoài tỉnh. Thường xuyên thông tin các hình ảnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội truyền thống của xã trên trang fanpage tại địa chỉ “UBND xã ĐÔNG YÊN” Link:

<https://www.facebook.com/profile.php?id=100085514663259>

- Chỉ tiêu 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

Mô hình sản xuất và kinh doanh Nem chua tại cơ sở hộ kinh doanh Nem Minh Trang do bà Nguyễn Thị Hạnh là chủ cơ sở tại Thôn Yên Thành, xã Đông Yên, đã mang lại hiệu quả kinh tế, phát triển món ăn truyền thống, đặc sản nổi tiếng của xứ Thanh,

tạo công ăn việc làm thường xuyên cho 09 lao động trong và ngoài xã với mức thu nhập mỗi lao động từ 6-8 triệu đồng/tháng, sản phẩm Nem chua theo tiêu chuẩn OCOP (được công nhận 3 sao); Quy mô 720.000 cái/năm; Loại hình sản xuất là Hộ kinh doanh, với doanh thu hàng năm khoảng 3.600 triệu đồng/năm, nhuận trước thuế đạt hơn 438 triệu đồng/năm.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt.

4.14. Tiêu chí 14 về Y tế:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ). $\geq 95\%$.

14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử: Đạt.

14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa: Đạt.

14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử: Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 14.1: Tổng số nhân khẩu của xã (theo số liệu của Chi cục thống kê) 5.088 người, trong đó số người đi lao động, học tập ở nước ngoài 332 người. Số người có thẻ BHYT 4.655 người ; số người tham gia BHYT trên địa bàn xã 4655 người (mẫu 02/NTMNC do BHXH huyện Đông Sơn lập). Tỷ lệ người dân tham gia BHYT: 4.655 người/4.756 người đạt 97,88%.

- Chỉ tiêu 14.2: Cơ sở vật chất Trạm y tế xã Đông Yên với diện tích 1552m², 12 phòng chức năng, 08 giường bệnh. Cơ sở hạ tầng khang trang, sạch đẹp, được trang bị theo gói dịch vụ các năm đủ theo danh mục quy định tại tuyến y tế cơ sở tại quyết định số 869/QĐ-SYT ngày 18/07/2019.

Trạm y tế được trang bị đầy đủ máy tính có kết nối hệ thống internet để phục vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, tiêm chủng mở rộng, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử... và WIFI; Thuốc thiết yếu trong danh mục BHYT và tử thuốc tại trạm y tế cung ứng đầy đủ; có vườn mẫu thuốc nam đủ 70 loại cây thuốc nam theo qui định của bộ y tế hướng dẫn cho nhân dân hái và sử dụng điều trị các bệnh thông thường. Nhân lực trạm y tế xã có 04 người (01 Bác sỹ, 01 y sỹ cao đẳng; 01 y sỹ sản nhi, 01 y sỹ đa khoa). Ngày 04/7/2024 xã Đông Yên được UBND tỉnh Thanh Hóa công nhận xã đạt tiêu chí Quốc gia về Y tế giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 2800/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Hàng năm TYT xã đã xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác KCB cho nhân dân không ngừng học tập, tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như cử cán bộ đi học tập, tham gia đề án 1816 của bộ y tế về cử cán bộ lên bệnh viện đa khoa huyện học tập thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, nhiệt tình trong công việc tạo sự yên tâm, tin tưởng cho người dân

UBND xã chỉ đạo TYT xã xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể về triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Đông Yên đến ngày 26/05/2023, tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe 4953/5088 người, đạt 97,35%.

- Chỉ tiêu số 14.3, xã đã triển khai đến các người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa áp dụng cho cả nam và nữ qua phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân như APP MOBIL điện thoại thông minh để cài đặt phần mềm tiêm chủng cho trẻ < 5 tuổi, phụ nữ có thai, tiêm vắc xin phòng chống Covid-19 và cài đặt PC Covid, Sổ sức khỏe điện tử... VneID có tích hợp thẻ BHYT...đạt 61,46%.

- Chỉ tiêu số 14.4, UBND xã đã tổ chức triển khai thực hiện hồ sơ sức Khỏe điện tử, đồng thời tuyên truyền và hướng dẫn người dân sử dụng khám chữa bệnh từ xa được tích hợp trong phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân, kết quả đến nay đã có 4953/5088 người, người dân trong xã có sổ chữa bệnh điện tử để người dân cập nhật thông tin về sức khỏe của bản thân đạt 97,35%.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 14 về Y tế: Đạt.

4.15. Tiêu chí 15 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

15.1. *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (Đạt).*

15.2. *Có dịch vụ công trực tuyến một phần: (Đạt).*

15.3. *Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp (Đạt).*

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 15.1 Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC)

Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND xã Đông với diện tích 50m², ½ diện tích được bố trí ghế ngồi chờ cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch đảm bảo đúng quy định. Cơ sở vật chất, trang thiết bị gồm: 02 điều hòa; hệ thống camera theo dõi với 03 mắt quan sát, 01 bàn làm việc khép kín với 05 quày giao dịch, 01 hệ thống đèn led, 01 máy scan 2 mặt, 01 bàn làm việc khép kín với 05 quày giao dịch, 04 máy tính kết nối mạng, 04 máy in, 01 máy photocopy, 02 cái điều hòa, 04 tủ đựng hồ sơ, tài liệu của bộ phận một cửa, 04 quạt mát, hệ thống các bảng biểu và các trang thiết bị cần thiết khác.

UBND xã Đông Yên đảm bảo 100% cán bộ, công chức làm công tác tham mưu được trang bị máy tính, 01 máy in và được kết nối mạng LAN, WAN, internet một cách đồng bộ và được cấp chứng thư số để thực hiện ký số văn bản điện tử trên phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc. Hàng năm, hệ thống máy tính của UBND xã được bảo trì, cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền trong toàn hệ thống mạng.

Đảm bảo 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đều thực hiện trên phần mềm một cửa điện tử. Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua hệ thống phần mềm một cửa điện tử gồm: Năm 2021, tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết 1329/1329 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó đã giải quyết trước hạn và đúng hạn là 1329 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; hồ sơ giải quyết quá hạn là 0 hồ sơ. Năm 2022, tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết 2309/2309 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó đã giải quyết trước hạn và đúng hạn là 2309 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; hồ sơ giải quyết quá hạn là 0 hồ sơ. Năm 2023, tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết 1866/1866 hồ sơ. Trong đó đã giải quyết trước hạn và đúng hạn là 1866 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%, hồ sơ giải quyết quá hạn là 0 hồ sơ. Trong 8 tháng đầu năm 2024, tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết là 1176/1176 hồ sơ, trong đó số hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn là 1176 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%, hồ sơ giải quyết quá hạn là 0 hồ sơ.

- Chỉ tiêu 15.2: Có dịch vụ công trực tuyến một phần

Xã Đông Yên đã thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần đối với 123 thủ tục hành chính và toàn phần đối với 48 thủ tục hành chính, 100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo và vượt chỉ tiêu tỉnh giao, cụ thể:

+ Năm 2021, UBND xã đã tiếp nhận, giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 236/236 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100% Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 275/275 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%, vượt chỉ tiêu tỉnh giao.

+ Năm 2022, UBND xã đã tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3 là 898/898 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; mức độ 4 là 696/696 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%

+ Năm 2023, UBND xã đã tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3 là 730/730 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; mức độ 4 là 1216/1216 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%

Trong 8 tháng đầu năm 2024, xã đã tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến mức một phần là 223/223 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%, tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 528/528 hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%; đã thực hiện 1.200 bản sao chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.

- Chỉ tiêu 15.3 Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

+ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được niêm yết trên trang thông tin điện tử <http://dongyen.dongson.gov.vn>. Thực hiện niêm yết công khai 247/247 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã, trên Trang thông tin điện tử của UBND xã tại địa chỉ: dongyen.dongson.thanhhoa.gov.vn. Hệ thống phản hồi Thanh Hoá không nhận được phản ánh, kiến nghị nào liên quan đến thủ tục hành chính tại UBND xã Đông Yên.

+ 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC giải quyết TTHC; đã thực hiện việc scan, số hoá hồ sơ tiếp nhận và trả và kết quả theo quy định.

+ Trong 3 năm (2021-2024), UBND xã Đông Yên đạt trên 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hẹn, không có hồ sơ quá hẹn; không có phản ánh kiến nghị về TTHC trên Hệ thống phản hồi Thanh Hoá.

+ Việc giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo hướng tinh gọn, đơn giản, dễ thực hiện, kết hợp với thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, theo phương châm lấy sự hài lòng của người dân, các tổ chức, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng và hiệu quả. Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023 và hiện tại đạt 18/18 điểm, xếp loại xuất sắc. Năm 2023 và Quý I, Quý II năm 2024 tỷ lệ đánh giá sự hài lòng về giải quyết TTHC của UBND xã đạt 02/02, điểm đạt 100% hài lòng và rất hài lòng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 15 Tiêu chí Hành chính công: Đạt.

4.16. Tiêu chí 16 về Tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở: Đạt.

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành: $\geq 90\%$

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu.16.1. Xã có 3 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Mô hình: “ Tổ 2 trên 1”; mô hình “ Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; mô hình “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu” tại thôn Yên Cẩm 1.

- Chỉ tiêu 16.2. Không có vụ việc nào thuộc phạm vi hòa giải.

- Chỉ tiêu 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu: Không có người yêu cầu.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 16 Tiêu chí Tiếp Cận Pháp Luật: Đạt.

4.17. Tiêu chí 17 về Môi trường:

a) Yêu cầu của tiêu chí:

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường (Đạt).

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định: $\geq 85\%$.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả $\geq 40\%$.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 50\%$.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 100%.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường: $\geq 80\%$.

17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: $\geq 85\%$.

17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch (Đạt).

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng, đạt tối thiểu 5% đối với các xã thuộc 16 huyện ven biển, đồng bằng, trung du. (Đạt).

17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn: $\geq 4m^2/\text{người}$.

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định: $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 17.1 Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, khu chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), khu nuôi trồng thủy sản; có 26/26 hộ gia đình là các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ trong khu dân cư đã ký cam kết bảo vệ môi trường. Các cơ sở sản xuất kinh doanh đều được đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường; 100% hộ chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải, hệ thống bể bioga, đệm lót sinh học đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chỉ tiêu 17.2 Toàn xã có 26 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường (Không có làng nghề) đạt 100%. 26 cơ sở sản xuất - kinh doanh nêu trên không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, đã ký cam kết bảo vệ môi trường theo quy định. Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các hộ đã chấp hành tốt công tác bảo vệ môi trường, không có phản ánh của người dân trong công tác bảo vệ môi trường của các hộ này.

- Chỉ tiêu 17.3: Xã Đông Yên có 1481/1481 hộ gia đình, đạt 100% số hộ đã ký hợp đồng thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại với HTX dịch vụ môi trường Tân Sơn và được HTXDV Môi trường Tân Sơn thu gom theo định kỳ với tần suất thu gom 02 ngày/lần; vận chuyển đến bãi xử lý rác thải tập trung của thành phố Thanh Hóa – xã Đông Nam để xử lý theo quy định.

- Chỉ tiêu 17.4. Tất cả các hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả. Có hệ thống xử lý đầu nối hệ thống xử lý nước thải tập trung của xã. Có 1481/1481 hộ gia đình có hệ thống xử lý, đạt 57,7%.

- Chỉ tiêu 17.5. Toàn xã có 1481/1481 hộ đạt 100 % số hộ gia đình trên địa bàn xã đã thực hiện phân loại rác thải tại nguồn trước khi hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Tân Sơn thu gom để vận chuyển đến bãi tập trung rác thải để xử lý. Định kỳ vào chủ nhật hàng tuần, nhân dân trong xã chủ động tổng vệ sinh môi trường do xã phát động; đường làng, ngõ xóm, khu dân cư được dọn vệ sinh thường xuyên. Các tuyến đường tự quản giao Đoàn thanh niên, phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh và tổ an ninh trật tự từng thôn duy trì, thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Toàn xã có 46 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi (thôn Yên Doãn 1: 5 bể; thôn Yên Doãn 2: 5 bể; thôn Yên Cẩm 1: 5 bể; thôn Yên Cẩm 2: 5 bể; thôn Yên Bằng: 8 bể; Thôn Yên Trường: 11 bể; Thôn Yên Thành: 07 bể). Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, hàng tháng tổ thu gom rác thu gom để vận chuyển về bãi rác tập trung của tỉnh. Đối với chất thải rắn nguy hại trong sinh hoạt như pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải, thiết bị điện tử, vỏ chai lọ, đựng hóa chất nguy hại ..) được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng để đơn vị thu gom xử lý theo quy định.

- Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường $\geq 80\%$.

* Khối lượng chất thải phát sinh:

+ Trồng trọt với tổng diện tích sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn là 357,6 ha trong đó: Cây lúa 333,2ha, cây rau màu các loại 24,4ha. Khối lượng chất thải phát sinh 2.003,8tấn (cây lúa 1.997,7 tấn, cây rau màu các loại 6,1 tấn).

+ Chăn nuôi, tính đến ngày 01/7/2024 trên địa bàn xã có 85 cơ sở chăn nuôi, trong đó chăn nuôi nông hộ 85 cơ sở, xã không có trang trại chăn nuôi. Tổng đàn: trâu, bò 86 con, đàn lợn 178 con, gia cầm 4.202 con. Khối lượng chất thải phát sinh 608 tấn, trong đó, trâu bò: 275,9 tấn, lợn: 178,7 tấn, gia cầm: 153,4 tấn.

* Khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng:

+ Về trồng trọt: Khối lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp thu gom tại hộ gia đình 2.097,6 tấn, trong đó: Cây lúa 2.094,7 tấn, cây rau màu và cây trồng khác 2,9 tấn. Khối lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp đã được xử lý, tái sử dụng tại hộ gia đình 1.887,8 tấn (Cây lúa 1.885,2 tấn, cây rau màu và cây trồng khác 2,6 tấn).

+ Về chăn nuôi: Khối lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom tại hộ gia đình 501,1 tấn, trong đó; Đàn trâu bò: 240,1 tấn, đàn lợn: 149,3 tấn, đàn gia cầm: 120,7 tấn. Khối lượng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom tại hộ gia đình: 483,6 tấn. Trong đó: Đàn trâu, bò: 237,3 tấn, đàn lợn: 129,9 tấn, đàn gia cầm: 116,4 tấn.

* Tỷ lệ cơ sở áp dụng biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp.

+ Về trồng trọt, thống kê hiện trạng tổng số hộ gia đình đang sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Đông Yên 1.264 hộ trong đó, số hộ gia đình áp dụng một trong các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp 1.139 hộ chiếm 90,1% tổng số hộ đang sản xuất.

Về chăn nuôi, theo thống kê hiện trạng tổng số hộ gia đình đang có hoạt động chăn nuôi 85 hộ, trong đó, số hộ gia đình áp dụng một trong các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 85 hộ chiếm 100% tổng số hộ chăn nuôi:

* Tỷ lệ khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng:

$$\frac{\text{Tỷ lệ khối lượng chất thải được thu gom, xử lý, tái sử dụng}}{\text{Khối lượng chất thải phát sinh}} = \frac{2.453}{2.611,8} = 93,9\% \geq 80\% (\text{Đạt})$$

- Chi tiêu.17.8. *Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Đạt 100 %.*

+ Có 85/85 cơ sở chăn nuôi có chuồng nuôi gia súc, gia cầm tách biệt với nơi ở của con người, đạt 100%.

+ Có 85/85 cơ sở chăn nuôi đảm bảo vệ sinh, khử trùng tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, có biện pháp xử lý chất thải đảm bảo quy định (*cơ sở chăn nuôi có bể Biogas: 17 cơ sở, cơ sở chăn nuôi có xử lý môi trường bằng men sinh học, chế phẩm sinh học như đệm lót sinh học: 35 cơ sở, ủ phân: 52 cơ sở*).

+ Vệ sinh chuồng trại, dụng cụ, thức ăn chăn nuôi đã được người chăn nuôi nâng cao, thường xuyên vệ sinh sạch sẽ chuồng nuôi và xung quanh chuồng nuôi, thu gom phân, rác thải, chất độn chuồng để xử lý; đồng thời thường xuyên rắc vôi bột ở lối đi và xung quanh chuồng nuôi để bảo đảm việc vệ sinh, khử trùng, tiêu độc: Quét dọn sạch sẽ khu vực nuôi nhốt; thu gom phân rác, chất độn chuồng để xử lý. Vệ sinh sạch sẽ, phun tiêu độc, khử trùng dụng cụ chăn nuôi, phương tiện vận chuyển trước và sau mỗi lần vận chuyển. Hằng năm UBND ban hành và triển khai kế hoạch khử trùng, tiêu độc ít nhất 02-03 lần/năm, đồng bộ trên toàn xã. Các cơ sở chăn nuôi thực hiện dọn vệ sinh 2 tuần/lần, phun thuốc sát trùng; khi có dịch bệnh xảy ra sẽ thực hiện phun thuốc khử trùng, tiêu độc theo khuyến cáo chuyên ngành, rải vôi bột tại cửa ra vào chuồng nuôi và xung quanh khu chăn nuôi.

+ Đối với dụng cụ và thức ăn chăn nuôi: Đa số các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã đã thực hiện tốt khâu vệ sinh máng ăn được thực hiện hằng ngày, sử dụng thức ăn

cho vật nuôi có nguồn gốc rõ ràng, không tận dụng thức ăn dư thừa, thức ăn xanh chưa qua xử lý không đảm bảo an toàn.

+ 85/85 cơ sở chăn nuôi trên địa bàn thực hiện cam kết bảo vệ môi trường và thực hiện các nội dung cam kết đã ký, đạt 100%.

+ Kế hoạch hoạt động chăn nuôi: 85/85 cơ sở chăn nuôi trên địa bàn thực hiện kế hoạch hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 54 của luật chăn nuôi.

+ Đối xử nhân đạo đối với vật nuôi: 85/85 cơ sở chăn nuôi có chuồng nuôi đạt yêu cầu (*Chuồng được làm bằng nguyên vật liệu bền chắc nền chuồng cao ráo, không trơn trượt, dễ thoát nước, dễ làm vệ sinh; mái chuồng cần thoáng mát, không bị dột nát, không bị mưa hắt vào chuồng, ẩm vào mùa đông, thoáng mát vào mùa hè...*), vật nuôi được cung cấp thức ăn và nước uống đầy đủ và thích hợp; vật nuôi được tiêm phòng định kỳ 02 lần/năm theo quy định; điều trị kịp thời cho vật nuôi ốm, bị thương, bị bệnh; không đánh đập, hành hạ vật nuôi.

Vậy tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 85/85 cơ sở, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 17.9: UBND xã Đông Yên quy hoạch 02 Khu nghĩa trang nhân dân xã tập trung với diện tích khoảng 3,92 ha được quy hoạch cách xa khu dân cư, phân chia khu hung táng, cát táng riêng biệt; có đường vào sạch sẽ, xung quanh trồng cây xanh thuận tiện cho việc thăm viếng của người dân. Nghĩa trang được quản lý và sử dụng hợp lý, việc mai táng của nhân dân được thực hiện đúng theo quy chế, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trong và ngoài khu nghĩa trang. Các nghĩa trang được cắm mốc chỉ giới theo quy hoạch và xây dựng hàng rào; chất thải trong các hoạt động mai táng được thu gom xử lý tại khu vực riêng biệt bằng hình thức đốt, chôn lấp, không gây ô nhiễm môi trường.

- Chỉ tiêu 17.10: Theo số liệu thống kê việc mai táng từ năm 2016-2024 là **283 người trong đó hỏa táng 111 người, đạt 39,22 %**: Đạt, cụ thể:

+ Năm 2016: Số người tử vong là 26 người, hình thức hung táng và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m² trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 7 trường hợp hỏa táng chiếm 26,92%

+ Năm 2017: Số người tử vong là 39 người, hình thức hung táng và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m² trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 4 trường hợp hỏa táng chiếm 10,25%.

+ Năm 2018: Số người tử vong là 26 người, hình thức hung táng và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m² trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 10 trường hợp hỏa táng chiếm 38,46%.

+ Năm 2019: Số người tử vong là 30 người, hình thức hung táng, cải táng và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m² trở lên;

vị trí hung táng cải táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 7 trường hợp hỏa táng chiếm 23,33%.

+ Năm 2020: Số người tử vong là 33 người, hình thức hung táng, cải táng và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m² trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 12 trường hợp hỏa táng chiếm 36,36%.

+ Năm 2021: Số người tử vong là 36 người, hình thức hung táng, cải táng và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m² trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 20 trường hợp hỏa táng chiếm 55,55%.

+ Năm 2022: Số người tử vong là 40 người; hình thức táng hung táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m² trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 24 trường hợp hỏa táng chiếm 60%.

+ Năm 2023: Số người tử vong là 31 người; hình thức táng hung táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình từ 2,5m² trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 18 trường hợp hỏa táng chiếm 58,06%.

+ Tính ngày 15/8/2024: Số người tử vong là 21 người; hình thức táng hung táng và hỏa táng tại nghĩa địa các thôn, diện tích các mộ trung bình là 2,5 m² trở lên; vị trí táng phù hợp với quy hoạch chung của xã cũng như đảm bảo theo quy định về mai táng. Trong đó có 15 trường hợp hỏa táng chiếm 71,42%.

- Về tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng như sau:

- + Năm 2016, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là $7/26 * 100\% = 26,92\%$.
- + Năm 2017, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là $4/39 * 100\% = 10,25\%$.
- + Năm 2018, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là $10/26 * 100\% = 38,46\%$.
- + Năm 2019, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là $7/30 * 100\% = 23,33\%$.
- + Năm 2020, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là $12/33 * 100\% = 36,36\%$.
- + Năm 2021, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là $20/36 * 100\% = 55,55\%$.
- + Năm 2022, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là $24/40 * 100\% = 60\%$.
- + Năm 2023, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là $18/31 * 100\% = 58,06\%$.
- + Tính ngày 15 tháng 8 năm 2024, tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng là $15/21 * 100\% = 71,42\%$.

- Chỉ tiêu 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4m^2/người$.

$$T_{\text{đất cây xanh}} = \frac{31.802}{5.088} = 6,25 m^2 \geq 4m^2 \text{ (Đạt)}$$

Tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Yên, huyện Đông Sơn đạt 6,25m²/người. Sự phân bố dân cư trên địa bàn xã khá đồng đều, được phân bố tại các thôn. Trong số các địa điểm có cây xanh như khu vực các nhà văn hóa các thôn; khu vui chơi của thôn, trung tâm văn hóa thể

thao của xã, các khuôn viên của 3 nhà trường, trạm y tế dùng để cho nhân dân, học sinh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các dải cây ven đường các trục đường 517, đường liên xã chạy qua, các trục đường xã, đường thôn dùng để tạo bóng mát cho nhân dân đi lại, cây xanh còn điều hòa không khí, tạo cho môi trường được trong lành hơn.

Đánh giá chung, khả năng tiếp cận cây xanh của người dân trên địa bàn xã đã đảm bảo nhu cầu. Đa số người dân đã lựa chọn nhà văn hóa và dải cây ven đường để tiếp cận, đi bộ, thể thao; thời gian nhân dân dành cho hoạt động tại các điểm nhà văn hóa, khu vui chơi, đi bộ tập luyện thể dục thể thao đã được quan tâm và dành nhiều hơn, làm tăng khả năng tiếp cận với cây xanh, thông qua đó cải thiện sức khỏe và chất lượng cuộc sống.

- Chỉ tiêu 17.12: Khối lượng chất thải nhựa phát sinh (kg/năm) của các hộ gia đình là 0,09 tấn/ngày, Khối lượng chất thải nhựa được thu gom tái chế sử dụng: 0,068 tấn/ngày, tỷ lệ đã được thu gom 0,068 tấn/0,09 đạt tỷ lệ 75,56%.

c. Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí 17 Môi trường: Đạt

4.18. Tiêu chí 18 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung: $\geq 55\%$

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ≥ 60 lít.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững: $\geq 30\%$

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm: 100%.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã (Không).

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm: 100%.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch $\geq 95\%$.

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường: 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 18.1, năm 2017 xã Đông Yên đã đầu tư hệ thống đường ống cấp nước sạch và ký kết thỏa thuận với Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – Chi nhánh Đông Sơn, cấp nước cho 7 thôn trên địa bàn xã. Năm 2024 xã đã thực hiện điều tra, đánh giá tất cả các hộ dân sử dụng nguồn nước sạch đạt quy chuẩn và sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn xã.

Chất lượng nước của công ty: Các thông số chất lượng nước đáp ứng ngưỡng giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá ban hành theo QĐ số 16/2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2021.

Số hộ dân đầu nổi sử dụng nước sạch từ nhà máy là 1.333/1.481 hộ đạt 90,01%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch toàn xã đạt: 1.333/1.481 hộ, đạt 90,01%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước HVS toàn xã đạt: 1.481/1.481 hộ, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.2: Cấp nước sinh hoạt bình quân đầu người/ngày đêm (lít/người/ngày đêm): 63,6lít.

$$= \frac{373 * 1000}{1.333 * 4,4} = 63,6 \text{ lít/người/ngày đêm.}$$

Trong đó: Sản lượng trung bình ngày: 373 m³, người dân sử dụng nước 5.088 người.

- Chỉ tiêu 18.3, công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, được thực hiện cấp nước thường xuyên, tỷ lệ công suất khai thác thực tế so với công suất thiết kế luôn đảm bảo năm sau cao hơn năm trước, có các cán bộ quản lý, vận hành đảm bảo chuyên môn, năng lực quản lý phù hợp quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình, đảm bảo hoạt động bền vững. Đánh giá mức độ hoạt động bền vững của công trình dựa vào các tiêu chí đánh giá của Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn đạt 95 điểm.

- Chỉ tiêu 18.4: UBND xã đã thực hiện rà soát, thống kê 100 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn; Trong đó: ngành Nông nghiệp 63 cơ sở, ngành Y tế 20 cơ sở, ngành Công thương 17 cơ sở. Hàng năm UBND xã, phối hợp với Văn phòng Điều phối về Vệ sinh ATTP huyện xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống trên địa bàn, có 100/100 cơ sở tham gia tập huấn, đạt 100%.

- Chỉ tiêu 18.5 Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. Công tác triển khai các nhiệm vụ phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã được triển khai thường xuyên, có hiệu quả, từ năm 2021 đến nay trên địa bàn xã không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào.

- Chỉ tiêu 18.6, tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm đạt 100% (có 03/03 cơ sở sản xuất, kinh doanh được UBND huyện thẩm định điều kiện và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

- Chỉ tiêu 18.7: Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch.

Đảng ủy, HĐND xã đã ra nghị quyết về công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trong địa phương đặc biệt chú trọng công tác phòng bệnh, chất lượng môi

trường sống trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu BCĐCSSKND, UBND xã đã lập kế hoạch với mục tiêu 100 % số hộ y tế được sử dụng nước sạch, nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh và tiến hành tổ chức thực hiện xây dựng 3 công trình vệ sinh, kết quả: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 1.434/1.481 hộ, đạt 96,83%; Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh là 1.440/1.481 hộ, đạt 97,23%; Tỷ lệ hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 1.451/1.481 hộ, đạt 97,97%.

- Chỉ tiêu 18.8. Trên địa bàn xã Đông Yên không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 18 Tiêu chí Môi trường sống: Đạt

4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An Ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí:

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân (Đạt).

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an Thịnh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an Thịnh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Chỉ tiêu 19.1 Ban chỉ huy quân sự xã, gồm: 4 đồng chí: Chỉ huy trưởng là thành viên UBND, Đảng ủy viên, công chức cấp xã; Chính trị viên là Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm; Chính trị viên phó là Bí thư Đoàn TNCSHCM kiêm nhiệm; Phó Chỉ huy trưởng quân sự là Đảng viên, cán bộ không chuyên trách.

Xây dựng lực lượng DQTV, “vững mạnh, rộng khắp), xã thực hiện nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ Dân quân tự vệ, thành lập tổ chức từ thôn đến xã theo Luật DQTV; Cấp xã: 01 Trung đội DQCD = 28 đ/c; Cấp thôn: 07 thôn = 07 tổ = 21 đ/c (03 đ/c/tổ); Dân quân bình chủng, gồm: 02 tổ = 06 đ/c (tổ Y tế, Trinh sát).

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, hàng năm, xã tổ chức rà soát, đăng ký nam công dân độ tuổi 17; 18 - 25 và 18 - 27 đầy đủ. Tham mưu, phối hợp với MTTQ, các ban, ngành, đoàn thể, từ xã đến thôn tổ chức tốt truyền truyền đến mọi công dân thực hiện Luật NVQS. Công tác tuyển chọn công dân nhập ngũ đúng quy trình và quy định của Pháp luật. Hàng năm giao quân đều đạt chỉ tiêu huyện giao. Làm tốt công tác tuyên truyền về tuyển sinh quân sự.

Công tác bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng- An ninh cho các đối tượng, xây dựng kế hoạch được Hội đồng GDQP-AN huyện phê duyệt. Đối tượng 3, 4 tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức QP-AN theo kế hoạch đề ra, bảo đảm chất lượng hiệu quả.

Lực lượng Dự bị động viên, hằng năm, trên cơ sở số lượng quân nhân nhập ngũ, Ban CHQS đã tổ chức tiếp nhận quân hoàn thành NVQS trở về địa phương và đăng ký vào ngạch DBĐV theo đúng quy định. Thực hiện tốt lệnh tập trung kiểm tra, huấn luyện SSCĐ theo chỉ tiêu được giao. Tổ chức đăng ký đầy đủ phương tiện kỹ thuật sẵn sàng cho nhiệm vụ kiểm tra động viên khi có lệnh.

- Chỉ tiêu 19.2, tình hình an ninh nông thôn luôn được giữ vững, không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật.

+ Không có khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật: Trong những năm qua, tình hình an ninh nông thôn trên địa bàn xã Đông Yên được giữ vững, ổn định, không để xảy ra khiếu kiện đông người, vượt cấp trái pháp luật.

+ Tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế và năm sau giảm hơn so với năm trước. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên (theo quy định của bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc gây tai nạn (Giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của pháp luật; Không có tụ điểm phức tạp về hình sự, kinh tế, môi trường.

Số vụ phạm tội, tệ nạn xã hội trên địa bàn xã Đông Yên từ năm 2022 đến nay có xu hướng kiềm chế và giảm dần, không để hình thành các băng ổ nhóm, tội phạm hình sự hoạt động phức tạp, tỷ lệ điều tra khám phá tội phạm đạt tỷ lệ cao, cụ thể: Năm 2022 xảy ra 04 vụ (01 vụ tai nạn giao thông; 02 vụ cố ý gây thương tích). Trên địa bàn số người mắc tệ nạn xã hội (nghiện ma túy): 01 (đã hướng dẫn đối tượng đi cai nghiện bắt buộc tại trung tâm cai nghiện số 1) số người nghi nghiện ma túy 0, số người sử dụng trái phép chất ma túy: 0 người. Năm 2023 xảy ra 03 vụ (02 vụ cố ý gây thương tích, 01 vụ TNGT đường bộ). Trên địa bàn số người mắc tệ nạn xã hội (nghiện ma túy) 01 người (lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc tại trung tâm cai nghiện số 1) số người nghi nghiện ma túy: 0 người, số người sử dụng trái phép chất ma túy: 0 người. Năm 2024, 9 tháng đầu năm xảy ra 01 vụ (vụ cố ý gây thương tích) tình hình ANTT trên địa bàn ổn định, không xảy ra vụ việc liên quán đến ANTT.

Tình hình công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên (Theo quy định của bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017) hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy nổ) nghiêm trọng trở lên theo quy định của pháp luật từ năm 2022 đến nay như sau: Năm 2022 đến nay trên địa bàn xã không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên.

Tỷ lệ khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” từ 90% trở lên: Năm 2022, 2023 có 7/7 thôn đạt chuẩn “An toàn về ANTT” theo thông tư 124/ TT- BCA ngày 28/12/ 2021 của Bộ công an. Năm 2022, 2023 đạt loại “sắc” trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc theo quyết định 510 /QĐ- BCA- V05 ngày 20/01/2022 của bộ Công an. Hiện nay trên địa bàn xã có 03 mô hình tự quản về ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả cụ thể: (1) Mô hình “camera với ANTT” của xã đã được tổ chức ra mắt đi vào hoạt động từ tháng 12/2023 với 45 mắt camera an ninh. Mô hình đã phát huy hiệu quả cao, cung cấp hình ảnh, giúp cơ quan chức năng giải quyết nhiều vụ việc có liên quan

đến đời sống của quần chúng nhân dân trên địa bàn. (2) Mô hình “Tổ 3 trên 1” đã cảm hóa giáo dục, giúp đỡ 03 đối tượng gồm án treo, người cải tạo không giam giữ và án tù tha về, đến nay đã có 02 trường hợp được xóa án tích; (3) Mô hình “Cổng trường tự quản về ANTT-TTATGT” đã góp phần vận động giáo viên, học sinh, phụ huynh tích cực tham gia phối hợp với lực lượng chức năng tổ giác, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về TTATGT.

Năm 2023 nhân dân và cán bộ xã Đông Yên huyện Đông Sơn đã được nhận bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Công an về thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ theo quyết định số 8940/ QĐ- BCA ngày 29/12/2023.

Xã Đông Yên không thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT. Lực lượng công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh, trong 02 năm liền kê xét công nhận liên tục đạt danh hiệu thi đua, trong đó năm 2022 đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” Năm 2023 đạt danh hiệu “Quyết thắng”. Xã đạt tiêu chuẩn “An ninh trật tự” theo quy định của Bộ Công an.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 19 Tiêu chí Quốc Phòng – An Ninh: Đạt.

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao. Xã Đông Yên không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tập trung duy trì, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, phấn đấu hoàn thành xã NTM kiểu mẫu vào cuối năm 2025.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: Nội dung, thành phần hồ sơ đã được xã Đông Yên thực hiện đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định tại Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 27/6/2024 về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2024 – 2025; Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-BNNPTNT ngày 13/6/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hợp nhất Quyết định ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025;

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Đông Yên đã được UBND huyện Đông Sơn thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao: Xã Đông Yên không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng NTM nâng cao.

III. KIẾN NGHỊ

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao năm 2024 của xã Đông Yên, UBND huyện Đông Sơn kính đề nghị Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Hội đồng thẩm định xã đạt chuẩn NTM nâng cao tỉnh Thanh Hóa tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch UBND tỉnh xét, công nhận xã Đông Yên đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2024./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐ NTM tỉnh (Báo cáo);
- VPĐP NTM tỉnh Thanh Hóa (Báo cáo);
- BCD các chương trình AMTQGG huyện (để chỉ đạo);
- Các thành viên BCD huyện;
- UB MTQT huyện, Hội Nông dân, Phụ Nữ, CCB, Huyện đoàn; Liên đoàn LĐ huyện;
- BCD NTM xã Đông Yên.
- Lưu, VT; VTĐP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Quang

BIỂU TỔNG HỢP
KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
ĐẾN NĂM 2024 ĐỐI VỚI XÃ ĐÔNG YÊN HUYỆN ĐÔNG SƠN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /10/2024 của UBND Huyện Đông Sơn)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Huyện đang thực hiện sáp nhập vào Thành phố Thanh hóa Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 259/QĐ-TTG ngày 17/3/2023. Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực số 11, thuộc quy hoạch chung đô thị Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040. (Đạt)	Huyện đang thực hiện sáp nhập vào Thành phố Thanh hóa Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 259/QĐ-TTG ngày 17/3/2023. Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực số 11, thuộc quy hoạch chung đô thị Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 (Đạt)
		1.2. Có Quy định quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn; tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Xã Đông Yên đã Điều chỉnh QHC đảm bảo phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực số 11, thuộc quy hoạch chung đô thị Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040. (Đạt)	Xã Đông Yên đã Điều chỉnh QHC đảm bảo phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040, theo Quyết định số 1511/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực số 11, thuộc quy hoạch chung đô thị Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040. (Đạt)
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Xã Đông Yên có quy hoạch chi tiết khu dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt, tại các Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 15/7/2024; số 2250/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 của UBND huyện Đông Sơn.(Đạt)	Xã Đông Yên có quy hoạch chi tiết khu dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên được UBND huyện Đông Sơn phê duyệt, tại các Quyết định số 2251/QĐ-UBND ngày 15/7/2024; số 2250/QĐ-UBND ngày 15/7/2024 của UBND huyện Đông Sơn. (Đạt)

2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% được bảo trì hàng năm, được bê tông hoá hoặc nhựa hoá, có chiều rộng mặt đường $\geq 4,5\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 6,5\text{m}$ (trong đó: $\geq 60\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định).	3,92km/3,92km đạt 100% mặt đường được nhựa hoá, chiều rộng $B_m \geq 4,5\text{m}$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 6,5\text{m}$; tỷ lệ ≥ 60 các hạng mục theo quy định (rãnh thoát nước, điện chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh) Có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn 16 cái; gờ giảm tốc 12 cái; Hệ thống điện chiếu sáng cao áp 3,92/3,92km đạt 100%; Cây xanh bóng mát, tường rào thoáng trồng cây xanh chân tường, hoa, cây leo tường đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp 2,96/3,92km đạt 75,51%) (Đạt)	3,92km/3,92km đạt 100% mặt đường được nhựa hoá, chiều rộng $B_m \geq 4,5\text{m}$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 6,5\text{m}$; Có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn 16 cái; gờ giảm tốc 12 cái; Hệ thống điện chiếu sáng cao áp 3,92/3,92km đạt 100%; Cây xanh bóng mát, tường rào thoáng trồng cây xanh chân tường, hoa, cây leo tường đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp 2,96/3,92km đạt 75,51%) (Đạt)
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa và bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% được cứng hóa và bảo trì hàng năm (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ và $\geq 50\%$ đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định	- 100% được cứng hóa; tỷ lệ mặt đường được bê tông hoá chiều rộng $B_m \geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0\text{m}$ là 12,41km/12,41km đạt 100%; - Có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn 26 cái; gờ giảm tốc 14 cái; Hệ thống điện chiếu sáng cao áp 12,41/12,41 đạt 100%; Cây xanh bóng mát, tường rào thoáng trồng cây xanh chân tường, hoa, cây leo tường đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 8,25/12,41 đạt 64,47%. (Đạt)	- 100% được cứng hóa và đạt tỷ lệ 100% mặt đường được bê tông hoá chiều rộng $B_m \geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0\text{m}$ là 12,41km/12,41km; - Có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn 26 cái; gờ giảm tốc 14 cái; Hệ thống điện chiếu sáng cao áp 12,41/12,41 đạt 100%; Cây xanh bóng mát, tường rào thoáng trồng cây xanh chân tường, hoa, cây leo tường đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp: 8,25/12,41 đạt 64,47%. (Đạt)
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	$\geq 90\%$ (trong đó: $\geq 80\%$ bê tông hóa hoặc nhựa hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$)	(Đạt) 100% được cứng hoá; tỷ lệ mặt đường được bê tông hoá có chiều rộng mặt đường; $B_m \geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0\text{m}$ là 3,65km/4,32km đạt 84,5%. Rãnh thoát nước 1,9/4,32km đạt 43,98%.	100% được cứng hoá; tỷ lệ mặt đường được bê tông hoá có chiều rộng mặt đường; $B_m \geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $B_n \geq 4,0\text{m}$ là 3,65km/4,32km đạt 84,5%. Rãnh thoát nước 1,9/4,32km đạt 43,98%. (Đạt)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100% (trong đó: $\geq 70\%$ bê tông hóa đạt chiều rộng mặt đường $\geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$)	7,03km/7,03km đạt 100% cứng hoá; tỷ lệ bê tông hóa mặt đường có chiều rộng $B_m \geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ là 5,0km/5,0km đạt 71,12 %. Đường cấp phối 2,03km/7,03km đạt 28,88%. (Đạt)	7,03km/7,03km đạt 100% cứng hoá; tỷ lệ bê tông hóa mặt đường có chiều rộng $B_m \geq 3,0\text{m}$, chiều rộng nền đường $\geq 4,0\text{m}$ là 5,0km/5,0km đạt 71,12 %. Đường cấp phối 2,03km/7,03km đạt 28,88%. (Đạt)

3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: $T_{tưới} = (698,98 / 735,64) \times 100\% = 95,02\%$ - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động: $T_{tiêu} = (698,98 / 735,64) \times 100\% = 95,02\%$ - Diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp chủ động 1,06/1,12ha, đạt 94,64% (Đạt)	- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động: $T_{tưới} = (698,98 / 735,64) \times 100\% = 95,02\%$ - Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động: $T_{tiêu} = (698,98 / 735,64) \times 100\% = 95,02\%$ - Diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp chủ động 1,06/1,12ha, đạt 94,64% (Đạt)
		3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả	≥1	01 HTX nông nghiệp có hoạt động tưới tiêu hiệu quả, bền vững (Đạt)	01 HTX nông nghiệp có hoạt động tưới tiêu hiệu quả, bền vững. (Đạt)
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥20%	Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Yên là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, Nông - Lộ - Phoi với tỷ lệ 659,4/670,42 ha = 98,36%. (Đạt)	Cây trồng chủ lực trên địa bàn xã Đông Yên là cây lúa, áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến SRI, 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, Nông - Lộ - Phoi với tỷ lệ 659,4/670,42 ha = 98,36%. (Đạt)
		3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%	Toàn xã có 53 tuyến kênh/7 thôn với tổng chiều dài 26,99km. Trong đó đã kiên cố 14,69km, chiếm 54,4% và được bảo trì hàng năm (Đạt tỷ lệ 100)	Toàn xã có 53 tuyến kênh/7 thôn với tổng chiều dài 26,99km. Trong đó đã kiên cố 14,69km, được bảo trì hàng năm 26,99/26,99 km (Đạt)
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Có 7/7 thôn, dân cư phân bố tập trung thành một vùng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định (Đạt)	Có 7/7 thôn, dân cư phân bố tập trung thành một vùng. Nước thải sinh hoạt và sản xuất được xử lý và thải ra hệ thống theo mương gom về kênh tiêu trực chính của xã đảm bảo quy định (Đạt)
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Đảm bảo yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt)	Đảm bảo yêu cầu về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt)
		4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	>99%

5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	- Xã Đông Yên có 2 trường với 3 cấp học và 01 trung tâm học tập cộng đồng, CSVC, thiết bị được đầu tư lớn, hiện đại. + Trường Mầm non đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. + Trường TH&THCS đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. (Đạt)	- Xã Đông Yên có 2 trường với 3 cấp học và 01 trung tâm học tập cộng đồng, CSVC, thiết bị được đầu tư lớn, hiện đại. + Trường Mầm non đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 2553/QĐ-UBND ngày 02/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. + Trường TH&THCS đạt trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1 tại Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. (Đạt)
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 25/12/2023. (Đạt)	Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi theo Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 (Đạt)
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Xã Đông Yên được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS Mức độ 3 theo Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 25/12/3. Đạt chuẩn mức độ 3 (Đạt)	Xã Đông Yên được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS Mức độ 3 theo Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 25/12/3. Đạt chuẩn mức độ 3 (Đạt)
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Xã Đông Yên được Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 25/12/2023. (Đạt)	Đạt chuẩn xóa mù chữ Mức độ 2 theo Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn . (Đạt)
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, công nhận đạt chuẩn	Mức độ 1	Cộng đồng học tập xã xếp loại tốt tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)	Cộng đồng học tập xã xếp loại tốt tại Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của Chủ tịch UBND huyện Đông Sơn (Đạt)
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	- Năm học 2023-2024, UBND xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 25/8/2023 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao xã Đông Yên. Các Nhà trường trên địa bàn căn cứ kế hoạch của xã xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất, cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế, lứa tuổi của	- Năm học 2023-2024, UBND xã đã xây dựng và ban hành kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 25/8/2023 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao xã Đông Yên. Các Nhà trường trên địa bàn căn cứ kế hoạch của xã xây dựng kế hoạch giáo dục thể chất, cho học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế, lứa

				<p>học sinh: Dạy bơi trong dịp hè hàng năm; nhảy dân vũ tập thể; võ thuật truyền thống; chỉ đạo các nhà trường thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể dục thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.</p> <p>- Trường TH&THCS ban hành Kế hoạch số 75/KH-TH&THCS ngày 10/9/2023 về kế hoạch giáo dục thể chất năm học 2023-2024, mô hình CLB Aerobic trường TH&THCS Đông Yên, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách các thành viên kiêm nhiệm.</p> <p>- Trường Mầm non Đông Yên có Kế hoạch số 20/KH-MN ngày 10/9/2023 về kế hoạch giáo dục thể chất cho trẻ trong trường mầm non năm học 2023-2024.</p> <p style="text-align: center;">(Đạt)</p>	<p>tuổi của học sinh: Dạy bơi trong dịp hè hàng năm; nhảy dân vũ tập thể; võ thuật truyền thống; chỉ đạo các nhà trường thành lập và duy trì hoạt động các câu lạc bộ thể dục thể thao rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.</p> <p>- Trường TH&THCS ban hành Kế hoạch số 75/KH-TH&THCS ngày 10/9/2023 về kế hoạch giáo dục thể chất năm học 2023-2024, mô hình CLB Aerobic trường TH&THCS Đông Yên, kèm theo Quy chế, Điều lệ hoạt động, danh sách các thành viên kiêm nhiệm.</p> <p>- Trường Mầm non Đông Yên có Kế hoạch số 20/KH-MN ngày 10/9/2023 về kế hoạch giáo dục thể chất cho trẻ trong trường mầm non năm học 2023-2024.</p> <p style="text-align: center;">(Đạt)</p>
6	Văn hóa	<p>6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên</p>	<p>- Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.</p> <p>- Có các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tối thiểu 40% người dân tham gia thường xuyên.</p> <p>- Triển khai thực hiện các hoạt động thu viện.</p>	<p>- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: quy hoạch 2.650m², gồm Hội trường đa năng và Nhà thi đấu đa năng</p> <p>+ Hội trường đa năng xã diện tích quy hoạch 500m² quy mô 250 chỗ ngồi, diện tích sân khấu 70m²; Các phòng chức năng có đầy đủ 05 phòng;</p> <p>+ Khu thể thao xã diện tích 2.150m², gồm nhà thi đấu, khu vui chơi giải trí, thể thao được bố trí bên ngoài diện tích 200m²</p> <p>+ Sân vận động xã có diện tích 10.050m². Tất cả các hạng mục này cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tổ chức các Hội nghị, sự kiện, chương trình văn hoá nghệ thuật, hội diễn văn nghệ và các hoạt động cộng đồng với quy mô cấp xã.</p> <p>- Nhà văn hóa – Khu thể thao các thôn: Xã có 07/07 thôn đạt 100% có diện tích quy hoạch từ 1.000-2.500m², quy mô xây dựng 150-200 chỗ ngồi khuôn viên, cảnh quan nhà văn hóa khu thể thao có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt</p>	<p>- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: quy hoạch 2.650m², gồm Hội trường đa năng và Nhà thi đấu đa năng</p> <p>+ Hội trường đa năng xã diện tích quy hoạch 500m² quy mô 250 chỗ ngồi, diện tích sân khấu 70m²; Các phòng chức năng có đầy đủ 05 phòng;</p> <p>+ Khu thể thao xã diện tích 2.150m², gồm nhà thi đấu, khu vui chơi giải trí, thể thao được bố trí bên ngoài diện tích 200m²</p> <p>+ Sân vận động xã có diện tích 10.050m². Tất cả các hạng mục này cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo tổ chức các Hội nghị, sự kiện, chương trình văn hoá nghệ thuật, hội diễn văn nghệ và các hoạt động cộng đồng với quy mô cấp xã.</p> <p>- Nhà văn hóa – Khu thể thao các thôn: Xã có 07/07 thôn đạt 100% có diện tích quy hoạch từ 1.000-2.500m², quy mô xây dựng 150-200 chỗ ngồi khuôn viên, cảnh quan nhà văn hóa khu thể thao có đầy đủ cơ sở vật chất, trang</p>

			<p>động, có tường rào bao quanh, cây bóng mát, sân được lát gạch chống trơn trượt.</p> <p>+ 100% khu thể thao các thôn lấp từ 7-10 dụng cụ thể thao.</p> <p>- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên, đáp ứng nhiệm vụ chính trị của xã, giữ gìn, bảo vệ, phát huy các bản sắc, giá trị văn hóa địa phương. 100% các thôn xây dựng và thực hiện quy ước được cấp có thẩm quyền công nhận. 100% các thôn đều có tủ sách với hơn 50 đầu sách.</p> <p>+ Xây dựng các mô hình hình hoạt động CLB văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn trên địa bàn với 11 câu lạc bộ đảm bảo thu hút 42% người dân tham gia thường xuyên.</p> <p>+ Hoạt động thư viện: Xã có 01 thư viện (phòng đọc) với trên 500 đầu sách; 02 máy tính kết nối internet phục vụ người dân.</p>	<p>thiết bị hoạt động, có tường rào bao quanh, cây bóng mát, sân được lát gạch chống trơn trượt.</p> <p>+ 100% khu thể thao các thôn lấp từ 7-10 dụng cụ thể thao.</p> <p>- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên, đáp ứng nhiệm vụ chính trị của xã, giữ gìn, bảo vệ, phát huy các bản sắc, giá trị văn hóa địa phương. 100% các thôn xây dựng và thực hiện quy ước được cấp có thẩm quyền công nhận. 100% các thôn đều có tủ sách với hơn 50 đầu sách.</p> <p>+ Xây dựng các mô hình hình hoạt động CLB văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thôn trên địa bàn với 11 câu lạc bộ đảm bảo thu hút 42% người dân tham gia thường xuyên.</p> <p>+ Hoạt động thư viện: Xã có 01 thư viện (phòng đọc) với trên 500 đầu sách; 02 máy tính kết nối internet phục vụ người dân.</p>
	6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	<p>Trên địa bàn xã có 03 di tích. Trong đó 01 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia, 02 di tích xếp hạng; di tích cấp tỉnh. 100% di tích trên địa bàn xã thành lập được Ban quản lý di tích.</p> <p>(Đạt)</p>	<p>Trên địa bàn xã có 03 di tích. Trong đó 01 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia, 02 di tích xếp hạng; di tích cấp tỉnh. 100% di tích trên địa bàn xã thành lập được Ban quản lý di tích.</p> <p>(Đạt)</p>
	6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	<p>≥75% đạt tiêu chuẩn văn hóa trong 3 năm liên tục (≥78% trong năm xét, công nhận hoặc năm liền kề).</p> <p>≥50% đạt chuẩn nông thôn mới.</p>	<p>- 07/07 thôn được UBND huyện công nhận thôn văn hóa 5 năm liên tịch, thôn Yên Doãn 1, Yên Cẩm 1 được UBND huyện tặng giấy khen đạt danh hiệu văn hóa 5 năm liên tịch giai đoạn (2018-2022, giai đoạn 2019-2023.</p> <p>- Về danh hiệu Gia đình văn hóa 1.357/1.481 hộ đạt 91,6%; Danh hiệu gia đình văn hóa 3 năm liên tục (giai đoạn 2021-2023 là 1.236/1.481 đạt 83,4%; Có 409 hộ được tặng giấy khen đạt danh hiệu Gia đình văn hóa trong 3 năm liên tục 2021-2023 đạt tỷ lệ 27,61%.</p> <p>- 7/7 thôn được công nhận đạt danh hiệu nông thôn mới đạt 100% và 7/7 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu đạt 100%. (Đạt)</p>	<p>- 07/07 thôn được UBND huyện công nhận thôn văn hóa 5 năm liên tịch, thôn Yên Doãn 1, Yên Cẩm 1 được UBND huyện tặng giấy khen đạt danh hiệu văn hóa 5 năm liên tịch giai đoạn (2018-2022, giai đoạn 2019-2023.</p> <p>- Về danh hiệu Gia đình văn hóa 1.357/1.481 hộ đạt 91,6%; Danh hiệu gia đình văn hóa 3 năm liên tục (giai đoạn 2021-2023 là 1.236/1.481 đạt 83,4%; Có 409 hộ được tặng giấy khen đạt danh hiệu Gia đình văn hóa trong 3 năm liên tục 2021-2023 đạt 27,61%.</p> <p>- 7/7 thôn được công nhận đạt danh hiệu nông thôn mới đạt 100% và 7/7 thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu đạt 100%. (Đạt)</p>

7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	Đạt (Nếu xã không có chợ đang hoạt động thì có cửa hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi đạt an toàn thực phẩm theo quy định)	Xã có 01 chợ hạng 3 do UBND xã quản lý, Chợ có diện tích 2.038,8m ² , có 1 dãy nhà chính bố trí 10 gian hàng và khu ki ốt có 10 gian hàng, có 3 gian hàng bán rau, củ, quả, 01 gian hàng thủy thủy, có 25 hộ kinh doanh cố định, có nhà điều hành, hệ thống điện, nước sạch, phòng cháy chữa cháy..., Chợ có ban quản lý chợ và hoạt động theo quy chế đã được phê duyệt - Chợ Mộc Nhuận xã Đông Yên đã đạt Chợ kinh doanh thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn được cấp giấy chứng nhận số 2659/QĐCN- IQC- HCC ngày 16/10/2021 về việc cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11856:2017; Thông báo kết quả giám sát duy trì số 2659/IQC- CD – KQGS -13B ngày 12/6/2023 về việc duy trì chứng nhận hợp chuẩn chợ Đông Yên phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11856:2017. Chợ họp 01lần/ngày. (Đạt)	- Xã có 01 chợ hạng 3 do UBND xã quản lý, chợ có diện tích 2.038,8m ² , có 1 dãy nhà chính, 10 gian hàng và khu ki ốt, có 3 gian hàng bán rau, củ, quả, 01 gian hàng thủy thủy, có 25 hộ kinh doanh cố định, có nhà điều hành, hệ thống điện, nước sạch, phòng cháy chữa cháy..., Chợ có ban quản lý chợ và hoạt động theo quy chế đã được phê duyệt - Chợ Mộc Nhuận xã Đông Yên đã đạt Chợ kinh doanh thực phẩm phù hợp tiêu chuẩn được cấp giấy chứng nhận số 2659/QĐCN- IQC- HCC ngày 16/10/2021 về việc cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11856:2017; Thông báo kết quả giám sát duy trì số 2659/IQC- CD – KQGS -13B ngày 12/6/2023 về việc duy trì chứng nhận hợp chuẩn chợ Đông Yên phù hợp tiêu chuẩn TCVN 11856:2017. Chợ họp 01lần/ngày. (Đạt)
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	- Số điểm phục vụ bưu chính: 01 Điểm; - Số điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 01 Điểm. (Đạt)	Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân: 01 Điểm, đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (Đạt)
8.2. Có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tối thiểu 50% đối với xã đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.		Đạt.	(Đạt) Trên địa bàn xã có 4.191/5088 người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tỷ lệ 82,37%.	Trên địa bàn xã có 4.191/5088 người dân trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt tỷ lệ 82,37%. (Đạt)	
8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông		Đạt	100% thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình xem được 01 trong các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; Xã có 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp các loại sách giáo khoa, báo,	100% thôn có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 100% số thôn trong xã có hộ gia đình xem được 01 trong các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet; Xã có 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp xuất bản phẩm cung cấp các loại sách	

				các ấn phẩm, tạp chí phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân trong thôn. (Đạt)	giáo khoa, báo, các ấn phẩm, tạp chí phục vụ nhu cầu của học sinh và người dân trong thôn (Đạt)
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Đạt	19/19 cán bộ, công chức của xã đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin; Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản; Xã có 01/01 sản phẩm OCOP Nem chua Minh Trang (đạt 100%) (Đạt)	19/19 cán bộ, công chức của xã đã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức kỹ năng số và an toàn thông tin; Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản; Xã có 01/01 sản phẩm OCOP Nem chua Minh Trang (đạt 100%) (Đạt)
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Tại trụ Sở UBND xã và Hội trường UBND xã đã được lắp đặt wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức xã và người dân đến làm việc tại xã; 100% cá điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn xã cũng được lắp wifi phục vụ người dân, du khách thập phương đến tham quan. (Đạt)	Trụ Sở UBND và Hội trường UBND xã đã lắp đặt wifi phục vụ nhu cầu sử dụng của cán bộ, công chức và người dân đến làm việc tại, 7/7 thôn, trạm y tế, bưu điện, công an, các trường học trên địa bàn xã đều lắp đặt wifi miễn phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân dễ dàng truy cập internet, sử dụng các dịch vụ số. (Đạt)
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥90%	Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.396/1.481 hộ, chiếm tỷ lệ 94,26% (Đạt)	Số hộ có nhà ở kiên cố (nhà ở nông thôn đạt chuẩn): 1.396/1.481 hộ, chiếm tỷ lệ 94,26% (Đạt)
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2024 ≥62	Tháng 8 năm 2024, đạt 64,63 (triệu đồng/người)	Tháng 8/2024, đạt 64,63 triệu đồng/người (Đạt)
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	≤ 4%	- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 0% - Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều 0,68% - Tỷ lệ nghèo đa chiều: (0% + 0,68%) = 0,68% (Đạt)	- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 0% - Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều 0,68% - Tỷ lệ nghèo đa chiều: (0% + 0,68%) = 0,68% (Đạt)
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥80%	Tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã 2.398/2.913 đạt 82,32% (Đạt)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã 2.398/2.913 đạt 82,32% (Đạt)
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥30%	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của xã 937/2.913 đạt 32,17% (Đạt)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của xã 937/2.913 đạt 32,17% (Đạt)

13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	≥1	01 HTX DV Nông nghiệp hoạt động có hiệu quả và có HĐ liên kết theo chuỗi giá trị ổn định trong 3 năm liên tục từ năm 2021 đến năm 2023 (Đạt)	01 HTX DV Nông nghiệp hoạt động có hiệu quả và có HĐ liên kết theo chuỗi giá trị ổn định trong 3 năm liên tục từ năm 2021 đến năm 2023 (Đạt)
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Đạt	Sản phẩm OCOP: 01 sản phẩm Nem chua Minh Trang được công nhận sản phẩm OCOP chứng nhận 3 sao tại Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 15 /8/2024 UBND huyện Đông Sơn (Đạt)	Sản phẩm OCOP: 01 sản phẩm Nem chua Minh Trang được công nhận sản phẩm OCOP chứng nhận 3 sao tại Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 15 /8/2024 UBND huyện Đông Sơn (Đạt)
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥1	01 Mô hình cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất lúa, được áp dụng trên địa bàn của 6 thôn. Tất cả các khâu làm đất, gieo trồng, tưới tiêu, chăm sóc, thu hoạch đều bằng cơ giới hóa	01 Mô hình cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong sản xuất lúa, được áp dụng trên địa bàn của 5 thôn. Tất cả các khâu làm đất, gieo trồng, tưới tiêu, chăm sóc, thu hoạch đều bằng cơ giới hóa (Đạt)
		13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	≥1 sản phẩm	1 sản phẩm lúa gạo (Đạt)	1 sản phẩm lúa gạo (Đạt)
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥5%	Sản phẩm Lúa gạo và Nem chua Minh Trang của xã Đông Yên được ký kết với các đơn vị trên sàn giao dịch điện tử; trên trang Website: saokhue.com.vn, ngoài ra còn được phân phối qua kênh thương mại điện tử Postmart.com và trang nông sản an toàn https://www.nongsanantoanthanhhoa.vn (Đạt)	Sản phẩm Lúa gạo và Nem chua Minh Trang của xã Đông Yên được ký kết với các đơn vị trên sàn giao dịch điện tử; trên trang Website: saokhue.com.vn, ngoài ra còn được phân phối qua kênh thương mại điện tử Postmart.com và trang nông sản an toàn https://www.nongsanantoanthanhhoa.vn (Đạt)
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Đạt (nếu có)	- Trên địa bàn xã có diện tích sản xuất lúa tập trung. Diện tích 5,94 ha; Số hộ tham gia: 34 hộ; Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP	- Trên địa bàn xã có diện tích sản xuất lúa tập trung. Diện tích 5,94 ha; Số hộ tham gia: 34 hộ; Tiêu chuẩn áp dụng: Đủ điều kiện ATTP (Đạt)
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ: http://dongyen.dongson.thanhhoa.gov.vn và được kết nối với cổng thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ: http://dongson.thanhhoa.gov.vn/web/trang-chu/tong-quan/di-tich-danh-thang-du-lich nhằm	Trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ: http://dongyen.dongson.thanhhoa.gov.vn và được kết nối với cổng thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ: http://dongson.thanhhoa.gov.vn/web/trang-chu/tong-quan/di-tich-danh-thang-du-lich nhằm

			quảng bá thông tin hình ảnh, vùng đất, con người, các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa, di tích và các sản phẩm OCOP trên địa bàn, đến nhân dân trong và ngoài tỉnh. (Đạt)	quảng bá thông tin hình ảnh, vùng đất, con người, các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa, di tích và các sản phẩm OCOP trên địa bàn, đến nhân dân trong và ngoài tỉnh (Đạt)	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥1 mô hình	<ul style="list-style-type: none"> - 01 mô hình - Tên mô hình: Nem chua Minh Trang; - Địa điểm thực hiện: Thôn Yên Thành, xã Đông Yên, huyện Đông Sơn; - Quy mô thực hiện: diện tích: 100 m2, sản lượng: 720.000 cái/năm. - Các tiêu chí đạt được: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; công ăn việc làm, nâng cao thu nhập. (Đạt) 	<ul style="list-style-type: none"> - 01 mô hình - Tên mô hình: Nem chua Minh Trang; - Địa điểm thực hiện: Thôn Yên Thành, xã Đông Yên, huyện Đông Sơn; - Quy mô thực hiện: diện tích: 100 m2, sản lượng: 720.000 cái/năm. - Các tiêu chí đạt được: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm của mô hình; công ăn việc làm, nâng cao thu nhập. (Đạt)
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥95%	Tỷ lệ có thẻ BHYT trên dân số là 4.655/4.756 người tham gia BHYT, đạt 97,88%. (Đạt)	Tỷ lệ có thẻ BHYT trên dân số là 4.655/4.756 người tham gia BHYT, đạt 97,88%. (Đạt)
		14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe: 4.953/5.088 người được quản lý sức khỏe điện tử, đạt 97,35%. - Xã được công nhận đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 2800/QĐ-UBND, ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa. (Đạt) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ người dân được quản lý sức khỏe: 4.953/5.088 người được quản lý sức khỏe điện tử, đạt 97,35%. - Xã được công nhận đạt tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 tại Quyết định số 2800/QĐ-UBND, ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa. (Đạt)
		14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa	Đạt	Xã đã triển khai đến người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa qua phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử các nhân APP MOBIL điện thoại thông minh để cài đặt các phần mềm và tích hợp thẻ BHYT đạt 61,46% (Đạt)	Xã đã triển khai đến người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa qua phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử các nhân APP MOBIL điện thoại thông minh để cài đặt các phần mềm và tích hợp thẻ BHYT đạt 61,46%. (Đạt)
		14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử.	Đạt	Tỷ lệ người có sổ khám, chữa bệnh điện tử là: 4.953/5.088 người đạt 97,35% (Đạt)	Tỷ lệ người có sổ khám, chữa bệnh điện tử là: 4.953/5.088 người đạt 97,35% (Đạt)

15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	<p>- Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại xã được sắp xếp gọn gàng, được trang bị đầy đủ phương tiện máy móc, thiết bị đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin. 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đều thực hiện trên phần mềm một của điện tử đi vào hoạt động ổn định phục vụ người dân, doanh nghiệp.</p> <p>- 8 tháng đầu năm 2024 tiếp nhận và giải quyết là: 1176/1176 hồ sơ, giải quyết trước hạn và đúng hạn là 1176 hồ sơ đạt 100%, hồ sơ giải quyết quá hạn là 0 hồ sơ.</p> <p>(Đạt)</p>	<p>- Phòng làm việc của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Đông Yên được sắp xếp gọn gàng, trang bị đầy đủ phương tiện máy móc, thiết bị đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin. 100% hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã đều thực hiện trên phần mềm một của điện tử</p> <p>- 8 tháng đầu năm 2024 tiếp nhận và giải quyết là: 1176/1176 hồ sơ, giải quyết trước hạn và đúng hạn là 1176 hồ sơ đạt 100%, hồ sơ giải quyết quá hạn là 0 hồ sơ.</p> <p>(Đạt)</p>
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức một phần	Đạt	<p>Xã đã thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần đối với 123 thủ tục hành chính và toàn phần đối với 48 thủ tục hành chính. Trong 8 tháng đầu năm 2024 xã đã tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến một phần 223/223 hồ sơ đạt 100%; tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 528/528 hồ sơ đạt 100%; 100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo và vượt chỉ tiêu tinh giao. Tính đến thời điểm hiện tại xã đã thực hiện 1.200 bản sao chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.</p> <p>(Đạt)</p>	<p>Xã đã thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần đối với 123 thủ tục hành chính và toàn phần đối với 48 thủ tục hành chính. Trong 8 tháng đầu năm 2024 xã đã tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến một phần 223/223 hồ sơ đạt 100%; tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 528/528 hồ sơ đạt 100%; 100% các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của xã được đảm bảo và vượt chỉ tiêu tinh giao. Tính đến thời điểm hiện tại xã đã thực hiện 1.200 bản sao chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.</p> <p>(Đạt)</p>
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	<p>Trong 03 (ba) năm liên tục liên kế trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 100% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 100% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định</p> <p>(Đạt)</p>	<p>Trong 3 năm (2021-2024) 100% hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn, không có phản ánh kiến nghị về TTHC trên hệ thống https://phanhoi.thanhhoa.gov.vn; http://pakn.dichvucong.gov.vn).</p> <p>- Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp từ năm 2021,2022,2023 và hiện tại đạt 18/18 điểm, xếp loại xuất sắc.</p> <p>+ Năm 2023 và Quý I, Quý II năm 2024 tỷ lệ đánh giá sự hài lòng về giải quyết TTHC của</p>

					UBND xã đạt 02/02, điểm đạt 100% hài lòng và rất hài lòng. Triển khai 02 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: + Mô hình “ Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”. + Mô hình “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu” tại thôn Yên Cẩm 1. (Đạt).
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở	Đạt	Triển khai 02 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Mô hình “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu” thôn Yên Cẩm 1. (Đạt)	Triển khai 02 mô hình phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận: Mô hình “Làng quê an toàn cho phụ nữ và trẻ em”; “Tổ hòa giải cơ sở kiểu mẫu” thôn Yên Cẩm 1. (Đạt)
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành	≥90%	Không có vụ việc (Đạt)	Không có vụ việc (Đạt)
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu đạt 100% (0 người/0 người)	Không có người yêu cầu (Đạt)
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ, nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về BVMT. (Đạt)	Trên địa bàn xã không có khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ, nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về BVMT. (Đạt)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	26/26 cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình, đều là các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ các hộ đã ký cam kết bảo vệ môi trường, đạt 100%. (Đạt)	26/26 cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình, đều là các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ các hộ đã ký cam kết bảo vệ môi trường, đạt 100%. (Đạt).

		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥85%	1.481/1.481 hộ được thu gom rác thải đạt 100% (Đạt)	1.481/1.481 hộ được thu gom rác thải đạt 100% (Đạt)
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥40%	Số hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: 1481 hộ/1.481hộ (đạt 100%). (Đạt)	Số hộ thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả: 1481 hộ/1.481hộ (đạt 100%). (Đạt)
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	Số hộ phân loại CTR tại nguồn là 1.481 hộ/1.481 hộ, đạt 100%. (Đạt)	Số hộ phân loại CTR tại nguồn là 1.481 hộ/1.481 hộ, đạt 100% (Đạt)
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	Toàn xã có 46 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Đối với CTR nguy hại phát sinh tại các hộ dân như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng (trạm y tế, trụ sở UBND xã).	Toàn xã có 46 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật, có nắp đậy đảm bảo vệ sinh môi trường. Tại mỗi xứ đồng của từng thôn có đặt các bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Đối với CTR nguy hại phát sinh tại các hộ dân như (pin, nhiệt kế, bóng đèn huỳnh quang thải...), được thu gom vào thùng riêng biệt đặt tại các khu vực công cộng (trạm y tế, trụ sở UBND xã). (Đạt).
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	Tỷ lệ khối lượng chất thải trên địa bàn xã Đông Yên được thu gom, xử lý, tái sử dụng là 2453/2611,8 tấn = 93,9%. (Đạt)	Tỷ lệ khối lượng chất thải trên địa bàn xã Đông Yên được thu gom, xử lý, tái sử dụng là 2453/2611,8 tấn = 93,9%. (Đạt)
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥85%	- Trên địa bàn có 01 trang trại đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. Tổng số cơ sở chăn nuôi 85 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 85 cơ sở, đạt tỷ lệ 100% (Đạt)	- Trên địa bàn có 01 trang trại đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. Tổng số cơ sở chăn nuôi 85 Cơ sở; - Số cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: 85 cơ sở, đạt tỷ lệ 100% (Đạt)

		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	UBND xã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 20/1/2021, quy hoạch 02 khu nghĩa trang nhân dân xã tập trung với diện tích khoảng 3,92 ha trên địa bàn xã đáp ứng các quy định của pháp luật và quy hoạch. (Đạt)	UBND xã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang tại Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 20/1/2021; quy hoạch 02 khu nghĩa trang nhân dân xã tập trung với diện tích khoảng 3,92 ha trên địa bàn xã đáp ứng các quy định của pháp luật và quy hoạch. (Đạt)
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 5\%$	Từ năm 2016 đến nay tỷ lệ hỏa táng của xã đạt bình quân hàng năm là 117/292 đạt 40,06%. (Đạt)	Từ năm 2016 đến nay tỷ lệ hỏa táng của xã đạt bình quân hàng năm là 117/292 đạt 40,06%. (Đạt).
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4m^2$ /người	Tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Yên là 31.802m ² /5088người, đạt 6,25m ² /người. (Đạt)	Tại điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã Đông Yên là 31.802m ² /5088người, đạt 6,25m ² /người. (Đạt)
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	Tỷ lệ đã được thu gom 0,068 tấn/0,09 đạt tỷ lệ 75,56%. (Đạt)	Tỷ lệ đã được thu gom 0,068 tấn/0,09 đạt tỷ lệ 75,56%. (Đạt).
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 55\%$	Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 1.333/1.481, đạt 90,01%; (Đạt)	Số hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung 1.333/1.481, đạt 90,01%; (Đạt)
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 60 lít	Lượng nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: (373*1000)/(1.333*4,4) đạt 63,6 lít/người/ngày đêm (Đạt)	Lượng nước cấp sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm: (373*1000)/(1.333*4,4) đạt 63,6 lít/người/ngày đêm (Đạt)
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 30\%$	Xã Đông Yên được cung cấp nước sạch từ Nhà máy cấp nước sạch tập trung do Công ty CP nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – chi nhánh Đông Sơn quản lý (Đạt)	Xã Đông Yên được cung cấp nước sạch từ Nhà máy cấp nước sạch tập trung do Công ty CP nước sạch Công ty cổ phần cấp nước Thanh Hóa – chi nhánh Đông Sơn quản lý. (Đạt)
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	100/100 cơ sở tham gia tập huấn kiến thức về ATTP đạt 100%. (Đạt)	100/100 cơ sở tham gia tập huấn kiến thức về ATTP đạt 100%. (Đạt)

	18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Không xảy ra các sự cố về an toàn thực phẩm cũng như các vụ ngộ độc thực phẩm nhiều người mắc (Đạt)	Trên địa bàn xã Đông Yên chưa xảy ra sự cố ngộ độc về an toàn thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người. (Đạt)
	18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%	03/03 cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, đạt 100% (Đạt)	03/03 cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, đạt 100% (Đạt)
	18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	$\geq 95\%$	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 1.434/1.481 hộ, đạt 96,83%; Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh là 1.440/1.481 hộ, đạt 97,23%; Tỷ lệ hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 1.451/1.481 hộ, đạt 97,97%. (Đạt)	Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh là 1.434/1.481 hộ, đạt 96,83%; Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh là 1.440/1.481 hộ, đạt 97,23%; Tỷ lệ hộ có bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 1.451/1.481 hộ, đạt 97,97%. (Đạt)
	18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường.	100%	Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp CTR sinh hoạt. (Đạt)	Xã Đông Yên không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt. (Đạt)
	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đảm bảo biên chế đầy đủ về số lượng, chất lượng, đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất theo quy định: BCHQS đã xây dựng KH trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. (Đạt)	Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đảm bảo biên chế đầy đủ về số lượng, chất lượng, đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất theo quy định: BCHQS đã xây dựng KH trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. (Đạt)

19	Quốc phòng và An Ninh	<p>19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an Thịnh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an Thịnh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả</p>	Đạt	<p>- Tỷ lệ khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” từ 90% trở lên: Hiện xã có 03 mô hình tự quản về ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả: (1) Mô hình “camera với ANTT” của xã đã được tổ chức ra mắt đi vào hoạt động từ tháng 12/2023 với 45 mắt camera an ninh. Mô hình đã phát huy hiệu quả cao, cung cấp hình ảnh, giúp cơ quan chức năng giải quyết nhiều vụ việc có liên quan đến đời sống của quần chúng nhân dân trên địa bàn. (2) Mô hình “Tổ 3 trên 1” đã cảm hóa giáo dục, giúp đỡ 03 đối tượng gồm án treo, người cải tạo không giam giữ và án tù tha về, đến nay đã có 02 trường hợp được xóa án tích; (3) Mô hình “Công trường tự quản về ANTT– TTATGT” đã góp phần vận động giáo viên, học sinh, phụ huynh tích cực tham gia phối hợp với lực lượng chức năng tổ giác, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về TTATGT. Năm 2023 nhân dân và cán bộ xã Đông Yên huyện Đông Sơn đã được nhận bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Công an về thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT theo quyết định số 8940/QĐ- BCA ngày 29/12/2023, xã đạt tiêu chí về an ninh trật tự đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. (Đạt)</p>	<p>- Tỷ lệ khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT” từ 90% trở lên: Hiện xã có 03 mô hình tự quản về ANTT hoạt động hiệu quả: (1) Mô hình “camera với ANTT” của xã đã được tổ chức ra mắt đi vào hoạt động từ tháng 12/2023 với 45 mắt camera an ninh. Mô hình đã phát huy hiệu quả cao, (2) Mô hình “Tổ 3 trên 1” đã cảm hóa giáo dục, giúp đỡ 03 đối tượng gồm án treo, người cải tạo không giam giữ và án tù tha về, đến nay đã có 02 trường hợp được xóa án tích; (3) Mô hình “Công trường tự quản về ANTT– TTATGT” đã góp phần vận động giáo viên, học sinh, phụ huynh tích cực tham gia phối hợp với lực lượng chức năng tổ giác, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật. chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về TTATGT. Năm 2023 nhân dân và cán bộ xã Đông Yên huyện Đông Sơn đã được nhận bằng khen của Bộ Trưởng Bộ Công an về thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTT theo quyết định số 8940/ QĐ- BCA ngày 29/12/2023, xã đạt tiêu chí về an ninh trật tự đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. (Đạt)</p>
----	-----------------------	--	-----	---	---